

你不了解的孫權



Tam Quốc anh hùng

Tôn Quyền

Tác giả: Lưu Hiểu

Nguồn: ChanhKien.org / Dịch từ: epochtimes.com

MỤC LỤC

Tam Quốc anh hùng - Tôn Quyền

Tôn Quyền (1): Cử người hiền, dùng người tài, lấy sở trường, quên sở đoản	1
Tôn Quyền (2): Ân nghĩa quân thần lưu danh thiên cổ ...	10
Tôn Quyền (3): Mở mang bờ cõi, chia ba thiên hạ	21
Tôn Quyền (4): Chứng kiến Thần tích, hoằng dương Phật Pháp	37
Tôn Quyền (5): củng cố nền tảng, mưu tính lâu dài; anh hùng thời đại	46

Tôn Quyền (1): Cử người hiền, dùng người tài, lấy sở trường, quên sở đoản



Chân dung Tôn Quyền trong “Lịch đại Đế vương đồ” của Diêm Lập Bản đời Đường (bản sao do hậu thế mô phỏng), hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston, Hoa Kỳ. (Tư liệu công cộng)

Thời kỳ Tam Quốc, các anh hùng hào kiệt xuất hiện lớp lớp, nào là Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Lưu Bị, Tôn Quyền, Chu Du, Quan Vũ, Trương Phi... Chỉ trong vòng vài thập kỷ ngắn ngủi, họ đã tung hoành ngang dọc, cùng nhau diễn dịch nên một khúc tráng ca đầy lay động về “Trung nghĩa, Tín nghĩa, Nhân nghĩa, Ân nghĩa, Hiệp nghĩa”, để lại cho hậu thế niềm say mê và cảm thán vô tận. Trong số đó, Tôn Quyền — người từng được nhân vật mang hùng tâm thống nhất thiên hạ là Tào Tháo hết lời tán thưởng qua câu nói: “Sinh con nên sinh người như Tôn Trọng Mưu”. Mặc dù không được người đời sau xem trọng bằng Tào Tháo, Lưu Bị hay Gia Cát Lượng, nhưng những công trạng và thành tựu mà ông đạt được là điều không thể xem nhẹ.

Sử sách ghi lại, Tôn Quyền chấp chính suốt 52 năm, là nhân vật nắm quyền lâu nhất trong số các nhân vật lịch sử thời Tam Quốc. Trong thời gian tại vị, ông liên kết với Thục Hán ở phía Tây, kháng cự Tào Ngụy ở phía Bắc, bình định tộc Sơn Việt trong nội địa, khai phá vùng đất hoang vu Giang Nam. Ông cũng chính là vị Hoàng đế đầu tiên làm chủ vùng Giang Nam kể từ sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước. Ngoài ra, Đông Ngô sở hữu kỹ thuật hàng hải đứng đầu thế giới thời bấy giờ, có thể đi lên phía Bắc tới Liêu Đông, đi xuống phía Nam đến tận Đài Loan, đồng thời khai sáng việc Đại Lục đi thuyền tới Đài Loan, thiết lập mối liên hệ và giao lưu kinh tế, văn hóa với nơi này. Ở thời kỳ đỉnh cao, cương vực của Đông Ngô bao gồm từ phía Nam vùng trung hạ lưu Trường Giang cho đến tận Giao Chỉ (nay là miền Bắc Việt Nam), diện tích tương đương với nước Ngụy và lớn hơn rất nhiều so với Thục Hán. Nhìn từ những

thành tựu đã đạt được này, Tôn Quyền hoàn toàn xứng đáng với lời khen ngợi năm xưa của Tào Tháo, cũng như xứng với câu từ “Tìm đâu bậc anh hùng, như thuở Tôn Trọng Mưu” của văn nhân thời Tống là Tân Khí Tật. Mà việc Đông Ngô có thể lớn mạnh như thế, vận nước tương đối lâu dài, không thể tách rời nghệ thuật tiến cử người hiền, bổ dụng người tài và xem trọng nhân tài như mạng sống của Tôn Quyền.

Lời trăng trời nhìn xa trông rộng của Tôn Sách

Tôn Quyền sinh năm Quang Hòa thứ năm thời Đông Hán (năm 182) tại Hạ Bì, Từ Châu (nay là Phi Châu, thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô). Cha của ông là Tôn Kiên, lúc bấy giờ đang giữ chức Huyện thừa Hạ Bì. Tôn Quyền còn có một người anh trai tên là Tôn Sách. Có thuyết nói rằng gia tộc của họ là hậu duệ của nhà quân sự Tôn Vũ thời Xuân Thu. Cuốn “Giang Biểu Truyện” chép rằng, Tôn Quyền từ khi sinh ra mắt đã có tinh quang, cằm vuông miệng rộng, tướng mạo kỳ vĩ, khác hẳn người thường. Ngoài ra, theo ghi chép trong “Sưu Thần Ký”, khi Ngô phu nhân mang thai Tôn Sách, bà nằm mơ thấy Mặt Trăng bay vào lòng; đến khi mang thai Tôn Quyền, bà lại mơ thấy Mặt Trời sa vào dạ. Tôn Kiên sau khi nghe phu nhân kể lại thì vui mừng khôn xiết, khẳng định rằng: “Mặt Trời và Mặt Trăng là tinh hoa của âm dương, là biểu tượng cho đại phú đại quý.”

Cuối thời Đông Hán, Tôn Kiên lúc bấy giờ đã được thăng chức làm Thái thú Trường Sa, dấy binh hưởng ứng liên quân Quan Đông thảo phạt董卓 Trác. Ông chuyển cả gia đình đến sinh sống tại huyện Thục thuộc quận Lư Giang (nay là phía Tây Nam huyện Lư Giang,

tỉnh An Huy); Tôn Sách, Tôn Quyền cùng người mẹ là Ngô phu nhân đều đi theo. Tại nơi này, Tôn Sách đã gặp gỡ Chu Du — một người lỗi lạc phong lưu, tài hoa xuất chúng. Hai người tính khí hợp nhau, tình như anh em.

Năm 191, Tôn Kiên tuân lệnh Viên Thuật đi thảo phạt Thứ sử Kinh Châu là Lưu Biểu, không may tử trận. Năm 195, Tôn Sách dẫn binh chinh chiến ở Giang Đông, hết lòng mời Chu Du về phò tá mình, Tôn Quyền cũng luôn đi theo bên cạnh. Lúc này, Tôn Quyền tuy chưa đầy 15 tuổi nhưng tính cách đã cởi mở, khoáng đạt, lại



Chân dung Tôn Sách do họa sĩ thời Thanh vẽ. (Ảnh: Tư liệu công cộng)

chuộng nghĩa hiệp, thích chiêu mộ và nuôi dưỡng môn khách, danh tiếng đã có thể sánh ngang với cha và anh. Ông còn thường xuyên tham gia vào việc bàn mưu tính kế trong quân của Tôn Sách, điều này khiến Tôn Sách không khỏi kinh ngạc. Mỗi khi mở tiệc chiêu đãi tân khách, Tôn Sách thường ngoảnh lại nhìn Tôn Quyền và nói: “Những người này, sau này đều sẽ là thuộc hạ của đệ.”

Năm 196, Tôn Sách bổ nhiệm Tôn Quyền khi đó mới 15 tuổi làm Huyện trưởng Dương Xuyên (nay là Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô). Sau đó, Tôn Quyền được quận cử làm Hiếu liêm, được châu tỉnh tiến cử làm Mậu tài, rồi lại tạm giữ chức Phụng nghĩa Hiệu úy. Năm 199, Tôn Quyền theo Tôn Sách đi thảo phạt Thái thú Lư Giang là Lưu Huân. Sau khi Lưu Huân bại trận tháo chạy, quân đội lại tiến về Sa Xuyên để thảo phạt Thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ. Sau khi đánh bại một số thế lực cát cứ, Tôn Sách bắt đầu đứng vững chân tại Giang Đông. Cùng lúc đó, bên cạnh ông cũng đã tập hợp được một nhóm mưu sĩ trí dũng, lấy “Trương Chiêu người Bành Thành, Trương Hoàn người Quảng Lăng, cùng Tàn Tùng, Trần Đoan... làm mưu chủ”. Họ cùng bàn mưu tính kế nơi màn trướng, giúp cho vùng Giang Đông dưới quyền quản lý vận hành vô cùng thông suốt. Đặc biệt là hai người Trương Chiêu và Trương Hoàn, công lao của họ trong các cuộc chinh chiến Giang Đông của Tôn Sách là không thể đóng đếm, “Hoàn cùng Trương Chiêu đều cùng tham mưu, thường lệnh cho một người trấn giữ phía sau, một người đi theo chinh phạt”.

Đúng vào lúc đại nghiệp sắp thành, năm Kiến An thứ năm (200), Tôn Sách bị thích khách ám sát qua

(1): Cử người hiền, dùng người tài, lấy sở trường, quên sở đoản

đời. Trước lúc lâm chung, Tôn Sách nói với em trai là Tôn Quyền: “Về việc dựa vào lòng người ở Giang Đông, quyết đoán trong chiến trận, tranh hùng thiên hạ, đệ không bằng ta; nhưng về việc tiến cử hiền tài, dùng người đúng chỗ để ai nấy đều tận tâm tận lực, giữ vững cơ nghiệp Giang Đông, thì ta không bằng đệ”. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng, nhận định của Tôn Sách quả thực chính xác.

Cử người hiền, dùng người tài, triển tài hoa

Khi Tôn Sách đột ngột qua đời, Tôn Quyền vừa tròn 18 tuổi đã phải lên tiếp quản ngôi vị, nhưng ông suốt ngày buồn bã khóc lóc, không thể xử lý chính sự. Trương Chiêu bèn nói với ông rằng: “Ngày nay thiên hạ đại loạn, sói dữ cản đường. Nếu chỉ biết đau buồn mà bỏ bê việc nước, thì chẳng khác nào mở toang cửa lớn rước cướp vào nhà, tất sẽ tự chuốc lấy tai họa.” Tôn Quyền cho lời ấy là rất phải, bèn nén đau thương, bắt đầu xử lý chính vụ, thị sát quân đội, giúp ổn định lòng dân và quân sĩ.

Sau khi lắng nghe ý kiến của các mưu thần, Tôn Quyền thi hành chính sách đối nội là “vỗ về, chiêu an các bộ tộc Sơn Việt; đối với những kẻ không chịu quy phục thì đem quân chinh phạt”, đồng thời dốc sức khai phá và phát triển vùng Giang Nam. Về đối ngoại, ông chủ trương không trực tiếp đối đầu với Tào Tháo, tiếp nhận các chức vị như Thảo Lỗ Tướng quân và Thái thú quận Cối Kê, nhằm tránh đối lập và xung đột trực diện. Trong việc dùng người, Tôn Quyền đối đãi với Trương Chiêu bằng lễ nghi dành cho bậc thầy; bổ nhiệm Chu Du, Trình Phổ và Lã Phạm làm các tướng lĩnh chủ chốt;

đồng thời tích cực “chiêu mộ nhân tài mới và mời gọi các bậc danh sĩ ra giúp nước”.

Trên phương diện dùng người, Tôn Quyền có một câu danh ngôn nổi tiếng: “Quý kỳ sở trường, vong kỳ sở đoản”, tạm dịch là trân trọng sở trường, bỏ qua sở đoản. Ông cho rằng bên cạnh việc tán thưởng những điểm mạnh của người khác, cũng cần phải có lượng bao dung để cảm thông cho những khuyết điểm của họ, nếu không sẽ dễ sa vào việc phê bình vô bổ, thậm chí là khơi mào tai vạ. Việc ông trọng dụng Lỗ Túc — người từng bị Trương Chiêu đánh giá là “tuổi trẻ còn nông nổi, thiếu chín chắn” — và Lã Mông — người có xuất thân bần hàn — chính là minh chứng cụ thể cho tư tưởng này.

Tôn Quyền không chỉ tiến cử người hiền, bổ dụng người tài, biết nhìn người và giỏi dùng người, mà một khi đã dùng ai thì sẽ tuyệt đối không nghi ngờ. Chẳng hạn như Gia Cát Cẩn — anh trai của Gia Cát Lượng — chuyển đến sống ở Giang Đông vào cuối thời nhà Hán và được Tôn Quyền hết sức trọng dụng, làm quan đến chức Thái thú Nam Quận, Đại tướng quân. Vào thời điểm ngay trước khi trận Di Lăng giữa Ngô và Thục nổ ra, ông từng viết một bức thư gửi cho Lưu Bị nhằm cố gắng ngăn chặn sự đổ vỡ của liên minh Ngô – Thục. Có kẻ đã mật báo việc này với Tôn Quyền, vu cáo rằng Gia Cát Cẩn thông đồng với quân địch. Tôn Quyền hoàn toàn không tin, lại còn nói rằng: “Cô cùng Tử Du (Gia Cát Cẩn) có lời thề tử sinh không đổi. Tử Du không phụ Cô, cũng giống như Cô không phụ Tử Du vậy”.

Đông Ngô có một số vị lão tướng từng theo phò tá Tôn Kiên, Tôn Sách năm xưa, tuy nhiên họ lại thuộc

tuýp người trung dũng thì thừa thãi nhưng mưu lược lại không đủ. Chính vì vậy, Tôn Quyền đã đề bạt một vài tướng lĩnh trẻ tuổi. Trong việc làm thế nào để các lão tướng tâm phục khẩu phục những vị tướng trẻ này, Tôn Quyền cũng rất có phương pháp. Có một lần, Tôn Quyền cử Chu Thái — một người có xuất thân từ gia đình bần hàn — đến trấn thủ Nhu Tu Ổ, còn hai vị lão tướng là Chu Nhiên và Từ Thịnh thì đảm nhận chức vụ phó thủ (người trợ giúp). Tôn Quyền biết rõ Chu Nhiên và Từ Thịnh nhất định sẽ không phục, do đó đã lấy danh nghĩa đi thị sát để đến Nhu Tu Ổ. Tại bàn tiệc, ông bảo Chu Thái cởi bỏ y phục, chỉ thấy trên người Chu Thái chằng chịt những vết sẹo do thương tích, hầu như có thể dùng cụm từ “mình đầy thương tích” để mô tả. “Vết thương này của Chu tướng quân là do đâu mà có?”, “Vết thương này của Chu tướng quân là ở nơi nào?”, “Vết thương này của Chu tướng quân lại bị chém trong chiến dịch nào?”. Theo từng lời hỏi đáp giữa Tôn Quyền và Chu Thái, ai nấy đều kinh hãi. Tôn Quyền vuốt ve cánh tay của Chu Thái và nói: “Tướng quân! Ta và khanh tình thân như huynh đệ, tướng quân trên chiến trường vì họ Tôn ta mà chẳng màng tính mạng, đến mức chịu nhiều thương tích thế này, hỏi họ Tôn ta sao có thể không biết ơn báo đáp, giao phó trọng trách cho tướng quân cơ chứ?”. Chu Nhiên và Từ Thịnh ngồi bên cạnh nghe đến mức trợn mắt há mồm, từ đó về sau không bao giờ dám có thái độ bất kính với Chu Thái nữa.

Và Chu Thái quả nhiên đã không phụ trọng trách. Tào Tháo dẫn 40 vạn đại quân tiến đánh Nhu Tu Khẩu, nhưng sau vài lần giao tranh đều không chiếm được

chút lợi thế nào. Khi Tào Tháo đứng từ xa nhìn ngắm đội hình quân đội và chiến thuyền của Đông Ngô, ông không khỏi tán thưởng kỹ thuật quân đội nghiêm minh, quân dung chỉnh tề nơi đây, liền búi ngùi than rằng: “Sinh con nên sinh người như Tôn Trọng Mưu, chứ còn con của Lưu Cảnh Thăng thì chẳng khác nào lũ lợn chó!” Nói rồi, ông hạ lệnh lui quân.

Chính vì Tôn Quyền có mắt nhìn người, lại giỏi dùng người và tuyệt đối không nghi ngờ người mình đã dùng, nên xung quanh ông luôn có vô số tài năng, tập hợp được biết bao mưu sĩ hiền thần và đại tướng. Về văn có Trương Chiêu, Trương Hoàn, Cố Ung, Thỉ Nghi, Trương Ôn, Khảm Trạch, Ngưu Phiên, Triệu Tư, Gia Cát Cẩn... Về võ có Trình Phổ, Hoàng Cái, Hàn Đương, Cam Ninh, Lãng Thống, Từ Thịnh, Hạ Tề, Chu Thái, Thái Sử Từ... và đặc biệt là bộ tứ kiệt Giang Đông lấy lòng danh tiếng: Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông, Lục Tốn. Nếu so với một Tào Tháo sở hữu mưu sĩ như mây, mãnh tướng như mưa, thì Tôn Quyền cũng chẳng hề kém cạnh. Và cũng chính nhờ vậy, Đông Ngô mới có thể duy trì được một trạng thái chính trị trong sạch, đất nước giàu mạnh, nhân dân ấm no.

Tôn Quyền (2): Ân nghĩa quân thần lưu danh thiên cổ



*Bức họa màu Ngô Đại Đế Tôn Quyền do người thời nhà Thanh vẽ.
(Tư liệu công cộng)*

Về đạo vua tôi, Mạnh Tử từng nói:

“Quân chi thị thần như thủ túc, tặc thần thị quân như phúc tâm; quân chi thị thần như khuyến mã, tặc

thần thị quân như quốc nhân; quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu cừu”. Ý nghĩa của lời dạy này là: Vua đối đãi với bề tôi như anh em thì bề tôi sẽ đối đãi với vua như tâm phúc, lấy cái chết để báo đáp; vua coi bề tôi như súc sinh, bề tôi sẽ coi vua như một người bình thường chẳng liên quan gì mà đối đãi; vua coi bề tôi bùn đất cỏ rác, bề tôi sẽ coi vua như kẻ địch. Là vị vua có mưu lược kiệt xuất vùng Giang Đông, Tôn Quyền đã diễn dịch thành công ân nghĩa quân thần, có thể lấy Giang Đông Tứ Kiệt làm ví dụ.

Xem Chu Du như anh trai

Sau khi Tôn Sách bị ám sát qua đời, Chu Du với thân phận Trung hộ quân đã cùng Trương sử Trương Chiêu đồng lòng phò tá Tôn Quyền. Thời bấy giờ, Giang Đông truyền câu nói: “Việc trong nhà không quyết được thì hỏi Trương Chiêu, việc bên ngoài không quyết được thì hỏi Chu Du”. Nghĩa là Trương Chiêu chịu trách nhiệm việc triều chính nội bộ, còn Chu Du phụ trách dẫn quân bên ngoài, chống chọi ngoại địch, mở mang bờ cõi. Đối với Chu Du, Tôn Quyền cũng hết mực tôn kính, ban tặng ân lễ chu toàn và đối xử như anh trai ruột thịt. Chu Du nhờ vậy lại càng trung thành và tận tâm.

Khi đại quân của Tào Tháo áp sát biên giới, nội bộ Đông Ngô chia làm hai phe chủ hòa – chủ chiến với thế lực ngang nhau. Lúc này, Chu Du một mình gạt bỏ mọi ý kiến trái chiều, phân tích rõ thế mạnh của phe mình là “đất rộng hàng ngàn dặm, binh tinh nhuệ đủ dùng”, đồng thời chỉ ra điểm yếu của quân Tào: “Không giỏi thủy chiến, lại thêm mùa đông giá rét, ngựa không có cỏ ăn, binh sĩ đi đường xa xôi không hợp nước độc chắc

chấn sẽ sinh bệnh”. Từ đó, ông kiên quyết chủ trương kháng Tào, khẳng định chỉ cần 5 vạn tinh binh là có thể đánh bại quân Tào. Quả nhiên, đúng như Chu Du dự đoán, trận Xích Bích đã khiến quân Tào tổn thất nặng nề nguyên khí, đặt nền móng vững chắc cho cục diện Tam Quốc chân vạc.

Hai năm sau đại chiến Xích Bích, Chu Du lâm bệnh qua đời. Tôn Quyền đã “mặc áo trắng chịu tang, khiến cho tả hữu xung quanh đều cảm động”. Cho đến tận khi xưng đế, ông vẫn bùi ngùi cảm thán rằng: “Ta nếu không có Chu Công瑾 thì đã không thể làm Hoàng đế!”

Chính vì tình nghĩa quân thần sâu nặng như vậy, Tôn Quyền đối với gia quyến của Chu Du cũng hết lòng chăm sóc. Con trai trưởng của Chu Du là Chu Tuấn làm quan đến chức Kỵ đô úy, cưới con gái của Tôn Quyền và Bộ phu nhân là Tôn Lỗ Ban; con trai thứ của Chu Du là Chu Dận làm quan đến chức Hưng Nghiệp đô úy, được phong Đô Hương hầu (sau vì phạm tội mà bị bãi chức), cưới con gái trong tông thất họ Tôn; còn con gái lớn của Chu Du thì gả cho con trai trưởng của Tôn Quyền là Thái tử Tôn Đăng. Có thể nói, với mối quan hệ thông gia gắn kết như thế này, nhà họ Tôn đã ban cho Chu Du một ân huệ hiếm có trên đời, và việc Chu Du đến chết vẫn báo quốc cũng xem như không phụ lại đoạn ân nghĩa ấy.

Bỏ qua sở đoản, trọng dụng sở trường của Lỗ Túc

Lỗ Túc xuất thân từ một gia đình sĩ tộc. Thuở nhỏ ông mồ côi cha, được bà nội nuôi dưỡng khôn lớn. Ông có vóc người cao lớn, tính tình hào sảng, ham đọc sách,

giỏi cưỡi ngựa cung, lại trượng nghĩa khinh tài nên rất được dân trong vùng kính trọng. Khi ấy, Chu Du đang giữ chức Trưởng huyện Cư Sào, do thiếu lương thực nên đến cầu viện Lỗ Túc. Lỗ Túc hào hiệp tặng ngay cho Chu Du một kho lương 3000 hộc thóc. Từ đó hai người kết giao thân thiết, về sau Chu Du đã tiến cử Lỗ Túc với Tôn Quyền.

Tôn Quyền lập tức hẹn gặp Lỗ Túc, hai người đàm luận vô cùng tâm đầu ý hợp. Đến khi các quan khách có mặt tại đó đứng dậy lui ra, Lỗ Túc cũng cáo từ bước ra ngoài. Thế nhưng chỉ một lát sau, Lỗ Túc lại được Tôn Quyền âm thầm gọi quay trở lại, hai người cùng ngồi chung một sập (giường) đối ẩm. Tôn Quyền liền hỏi Lỗ Túc làm sao để thành tựu bá nghiệp. Lỗ Túc trả lời rằng: “Triều đình nhà Hán đã không thể chấn hưng được nữa, mà Tào Tháo cũng không thể một sớm một chiều mà trừ khử ngay. Tính kế cho tương quân lúc này, chỉ có thể đứng vững ở Giang Đông thành thế chân vạc, để quan sát cục diện biến ảo của thiên hạ. Tình thế thiên hạ đã như vậy, cai quản một phương tự nhiên cũng không chuốc lấy sự ghen ghét, ngờ vực. Vì sao thế? Vì phương Bắc chính là lúc nhiều sự biến. Ngài vừa vận có thể nhân lúc cục diện biến động này mà tiểu trừ Hoàng Tổ, tiến đánh Lưu Biểu, dốc sức chiếm trọn toàn bộ vùng đất phía nam Trường Giang, sau đó xưng đế lập hiệu để từ đó tiến lên mưu đoạt thiên hạ, điều này cũng giống như việc Hán Cao Tổ gây dựng nên đại nghiệp vậy!” Tôn Quyền nghe xong liền bày tỏ rằng bản thân “chỉ hy vọng phò tá Hán thất mà thôi, những lời ngời nói nằm ngoài khả năng của ta”.

Mặc dù vậy, Trương Chiêu cùng nhiều người khác đều cho rằng Lỗ Túc “tuổi còn trẻ, tính tình qua loa, chưa thể trọng dụng”. Tôn Quyền lại có cách nhìn khác. Ông cho rằng Lỗ Túc có một điểm yếu nhưng hai điểm mạnh, và “một điểm yếu ấy không đủ làm lu mờ hai điểm mạnh; ta bỏ qua chỗ dở mà trọng dụng chỗ hay của ông ấy”. Từ đó, Tôn Quyền hết mực tín nhiệm và trọng dụng Lỗ Túc, ban thưởng hậu hĩnh, giúp gia sản họ Lỗ khôi phục lại sự giàu có như trước. Đáp lại sự tin cậy ấy, Lỗ Túc dốc lòng phò tá, mưu lược sâu xa, luôn đặt lợi ích của Tôn Quyền và Giang Đông lên trên hết. Đặc biệt, khi đại quân Tào Tháo áp sát, ông kiên quyết chủ trương kháng Tào, khiến Tôn Quyền phải thốt lên: “Trời cao đã ban khanh cho ta!”

Sau khi Chu Du qua đời, Lỗ Túc gánh vác trọng trách, lập nhiều công lao to lớn trong việc củng cố chính quyền Đông Ngô. Năm 217, ông lâm bệnh qua đời, hưởng dương 46 tuổi. Tôn Quyền đích thân lo liệu tang lễ và đến dự lễ an táng. Về sau, khi đăng đàn tế trời xưng đế, Tôn Quyền vẫn không quên vai trò quan trọng của Lỗ Túc trong sự nghiệp gây dựng và củng cố Đông Ngô, từng nói với các công khanh: “Xưa kia Lỗ Tử Kính đã từng nói như vậy, quả là người sáng suốt, hiểu rõ thời thế”.

Lỗ Túc qua đời, người con trai là Lỗ Thục sau khi trưởng thành đã trải qua nhiều chức vụ như: Chiêu Vũ tướng quân, Đô Đình hầu, Vũ Xương đốc, Giả tiết, Hạ Khẩu đốc. Ông cai quản quân đội vô cùng nghiêm chỉnh và là người tài giỏi. Sau khi ông lâm bệnh qua đời, con trai ông là Lỗ Mục đã thừa kế tước vị và tiếp quản việc thống lĩnh binh mã.

Lã Mông tận trung, vua lo khi bề tôi qua đời

Đại tướng Lã Mông tuy xuất thân hàn vi nhưng là người vừa có dũng vừa có mưu. Tôn Quyền hết sức coi trọng ông, từng khen rằng “mưu lược hơn người”. Suốt đời mình, Lã Mông tận tâm phò tá Tôn Quyền, nhiều lần lập đại công, như tiêu diệt kinh địch Hoàng Tổ, chiếm đất Giang Hạ; cùng Chu Du và Trình Phổ đại phá quân Tào trong trận Xích Bích; dùng mưu thu phục ba quận; sau đó tiến quân Giang Lăng, phối hợp với Lục Tốn tập kích Kinh Châu, đánh bại Quan Vũ, góp phần mở rộng đáng kể lãnh thổ và thế lực của Đông Ngô.

Để nâng cao kiến thức cho Lã Mông, Tôn Quyền từng khuyên ông nên đọc nhiều sách, nhưng Lã Mông lại than phiền rằng quân vụ bận rộn, e là không có thời gian đọc. Tôn Quyền liền lấy gương Lưu Tú và Tào Tháo dù việc quân ngập đầu nhưng vẫn “tay không rời sách” để khích lệ ông. Đồng thời, Tôn Quyền còn chuẩn bị sẵn cho ông các cuốn như: Tôn Tử Binh Pháp, Lục Thao, Tả Truyện, Quốc Ngữ, Sử Ký, Hán Thư, Đông Quan Hán Ký... Lã Mông từ đó bắt đầu ra sức học tập, ngày qua tháng lại, đọc được rất nhiều sách, kiến thức cũng ngày một uyên bác hơn.

Sau khi Chu Du qua đời, Lỗ Túc tiếp quản việc trấn thủ Lục Khẩu để kiềm chế Quan Vũ ở Kinh Châu. Có một lần, Lỗ Túc đến thăm hỏi Lã Mông. Lã Mông mở tiệc chiêu đãi, lúc rượu đã ngấm, bầu không khí thân tình, Lã Mông liền hỏi Lỗ Túc: “Ngài gánh vác trọng trách quốc gia, lại làm láng giềng với Quan Vũ, đã có kế sách gì để phòng bất trắc chưa?” Lỗ Túc đáp: “Tùy cơ ứng biến thôi”. Lã Mông nghiêm nghị nói: “Hiện nay Ngô –

Thực tuy cùng chung chiến tuyến, nhưng Quan Vũ là kẻ như hổ như gấu, đối phó với ông ta sao có thể không dự tính mưu kế từ trước?” Nói xong, Lã Mông liền trình bày liền năm phương lược để đối phó với Quan Vũ. Lỗ Túc nghe xong vô cùng kinh ngạc nói: “Ta vốn tưởng người chỉ có võ biên, không ngờ kiến thức nay đã đạt đến mức này!” Tiếp đó liền tán dương: “Người nay học vấn uyên bác, đã không còn là ‘A Mông của xứ Ngô’ năm xưa nữa rồi!” Kể từ đó, hai người kết thành hảo bằng hữu, đi lại với nhau rất mật thiết.

Trong trận Giang Lăng, Lã Mông lập công lớn. Vì vậy, Tôn Quyền bổ nhiệm ông làm Thái thú Nam Quận, phong tước Hầu đất Sà Lãng, đồng thời ban thưởng mười vạn tiền và năm trăm cân vàng. Lã Mông nhiều lần từ chối nhận số vàng bạc ấy, nhưng Tôn Quyền nhất quyết không đồng ý. Khi sắc phong còn chưa kịp ban xuống, Lã Mông lâm bệnh nặng. Tôn Quyền đón ông vào cung để tiện chăm sóc, treo thưởng nghìn lạng vàng tìm danh y khắp thiên hạ chữa trị. Mỗi khi thầy thuốc châm cứu cho Lã Mông, Tôn Quyền muốn thường xuyên đến thăm nhưng lại sợ làm kinh động khiến ông không được nghỉ ngơi, nên cho khoét một lỗ nhỏ trên vách để lặng lẽ dõi theo. Thấy Lã Mông ăn được đôi chút, Tôn Quyền vui mừng khôn xiết; thấy ông không thể nuốt nổi một giọt nước, ông lại buồn bã lo âu. Khi bệnh tình của Lã Mông có phần thuyên giảm, Tôn Quyền còn đặc xá phạm nhân để bày tỏ niềm vui. Đến lúc bệnh trở nặng, ông luôn túc trực bên giường bệnh, lại sai đạo sĩ cầu phúc cho Lã Mông. Khi Lã Mông không may qua đời, Tôn Quyền đau đớn khôn nguôi.

Khi còn sống, Lã Mông đem toàn bộ vàng bạc, châu báu và mọi phần thưởng được ban đều gửi vào kho phủ cất giữ, đồng thời dặn người quản lý rằng sau khi ông qua đời, tất cả phải hoàn trả lại triều đình. Trong di ngôn, ông cũng căn dặn tang lễ phải tổ chức giản dị, tuyệt đối không được xa hoa, lãng phí.

Khi biết được những việc ấy, Tôn Quyền càng thêm đau xót. Về sau, ông cho con trai của Lã Mông là Lã Bá kế thừa tước vị, lại ban 300 hộ dân để trông coi phần mộ của họ Lã và cấp 50 khoảnh ruộng được miễn thuế để phụng dưỡng gia tộc. Ân nghĩa quân thần giữa Tôn Quyền và Lã Mông sâu nặng như vậy, khiến hậu thế không khỏi cảm khái.

Lục Tốn: Xuất tướng nhập tướng

Lục Tốn là một bậc lương đồng của Đông Ngô bên cạnh Chu Du, Lỗ Túc và Lã Mông. Năm 203, ông vào làm việc trong mạc phủ của Tôn Quyền. Qua một số trận đánh, Lục Tốn bước đầu bộc lộ tài năng quân sự xuất chúng của mình, nhờ vậy rất được Tôn Quyền coi trọng. Kể từ đó, ông đã theo phò tá Tôn Quyền hơn 40 năm. Tôn Quyền đối với Lục Tốn luôn dùng “quân” để xưng hô, lại còn gả cháu gái của mình (con gái của Tôn Sách) cho Lục Tốn, đồng thời thường xuyên tìm ông để bàn bạc những đại sách trị quốc.

Tôn Quyền hết sức tin cậy Lục Tốn. Ông còn đặc biệt giao cho Lục Tốn giữ một chiếc ấn tín của mình. Mỗi khi có thư từ qua lại với Thục Hán, Tôn Quyền đều để Lục Tốn xem trước; nếu thấy điều gì chưa thỏa đáng, Lục Tốn có thể tự sửa đổi rồi đóng ấn và gửi đi.

Năm 222, trong trận Di Lăng, Lục Tồn đại phá quân Thục Hán do Lưu Bị chỉ huy, từ đó danh chấn thiên hạ. Trận Di Lăng cũng trở thành một trong những điển hình nổi tiếng trong lịch sử quân sự về nghệ thuật phòng ngự tích cực.

Năm 228, khi Đại tư mã nước Ngụy là Tào Hưu đem đại quân Nam tiến, Lục Tồn thống lĩnh quân Ngô nghênh chiến. Tôn Quyền còn đích thân cầm roi đứng cạnh xe chỉ huy để tiễn và khích lệ ông xuất quân. Sau chiến thắng, Lục Tồn được phong làm Thượng Đại tướng quân, thống lĩnh cả quân sự lẫn chính sự của Đông Ngô trong hơn 10 năm.

Về sau, Tôn Quyền lại giao cho Lục Tồn phò tá Thái tử Tôn Đăng trấn giữ Vũ Xương, đồng thời trao cho ông chức Tổng đốc quân quốc cùng nhiều trọng trách khác. Có thể nói là ân sủng có thừa.

Năm 244, Tôn Quyền bổ nhiệm Lục Tồn giữ chức Thừa tướng. Trong chiếu thư, ông viết: “Trẫm là kẻ không có đức, vâng mệnh trời lên ngôi lớn. Nay thiên hạ vẫn chưa thống nhất, gian tà còn đầy rẫy, ngày đêm Trẫm luôn ưu tư, chẳng lúc nào được yên nghỉ. Chỉ có khanh bẩm sinh thông tuệ, đức hạnh sáng ngời, đảm đương trọng trách của bậc thượng tướng, tận lực phò tá triều đình, dẹp yên loạn lạc. Người lập công lao cái thế tất phải được ban vinh hiển xứng đáng; người văn võ kiêm toàn ắt phải gánh vác trọng trách xã tắc. Xưa kia có Y Doãn phò tá Thương Thang dựng nên cơ nghiệp nhà Thương, có Lã Vọng giúp nhà Chu hưng thịnh. Nay mọi việc lớn nhỏ trong ngoài triều đình đều trông cậy vào một mình khanh. Nay Trẫm bổ nhiệm khanh làm Thừa tướng, sai Thái thường Phó Thường cầm tiết đến

trao ấn và dây thao. Khanh hãy phát huy đức hạnh cao đẹp, lập nên công nghiệp vẻ vang, kính cẩn vâng theo vương mệnh, an định và bình yên bốn phương”.

Sau khi đảm nhiệm chức Thừa tướng, Lục Tốn vẫn một lòng tận tụy với chức trách, trung thành tuyệt đối với Tôn Quyền. Những điều ông dự đoán hầu như đều ứng nghiệm.

Bấy giờ, Thái tử Tôn Hòa và Lỗ vương Tôn Bá tranh đoạt ngôi vị kế thừa, khiến triều đình hình thành hai phe đối lập. Phần lớn quan lại đều sai con em theo hầu một trong hai vị. Lục Tốn giữ thái độ trung lập, nhưng cuối cùng vẫn bị cuốn vào cuộc tranh chấp ngôi Thái tử và còn bị Tôn Quyền, do chưa hiểu rõ sự tình, nghiêm khắc quở trách. Lục Tốn tức giận khó nhẫn, lâm bệnh rồi qua đời vào tháng 2 năm 245, hưởng thọ 63 tuổi. Về sau, khi biết được chân tướng rằng Tôn Bá đã hãm hại Tôn Hòa và Lục Tốn thực sự bị oan, Tôn Quyền vô cùng hối hận. Ông nói với con trai của Lục Tốn là Lục Kháng: “Trẫm trước đây đã nghe theo lời gièm pha, đối xử trái đạo với phụ thân của khanh, thật có lỗi với khanh. Tất cả những tấu chương và tài liệu dùng để trách cứ phụ thân khanh, Trẫm đã tự tay đốt sạch, không để ai còn nhìn thấy nữa”. Về sau, Lục Tốn được truy tặng thụy hiệu Chiêu hầu.

Sơ kết

Khổng Tử nói: “Quân đối thần dĩ lễ tương đãi, thần vi quân tố sự tẫn trung”. Tạm dịch là vua đối xử với tôi bằng lễ, tôi phụng sự vua bằng lòng trung. Nền văn hóa Trung Hoa cũng có những câu cổ ngữ tương tự như: “Ném đao báo hận”, “Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ”, “Ơn

giọt nước, trả dòng sông” v.v. Cuộc tương phùng giữa Tôn Quyền với Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông và Lục Tốn hơn 1000 năm trước, chính là để viết nên những minh chứng sống động trong dòng chảy lịch sử, và cũng là để lưu lại cho hậu thế bài học sâu sắc về ân nghĩa quân thần chân chính.

Tôn Quyền (3): Mở mang bờ cõi, chia ba thiên hạ

Từ xưa đã có câu: “Non sông muôn thuở, tìm đâu thấy được nơi Tôn Trọng Mưu từng ngự trị”. Hay: “Đứng nơi đâu ngóng nhìn Thần Châu? Phóng mắt chỉ thấy cảnh tượng lầu Bắc Cối. Bao chuyện hưng vong suốt nghìn thu, mệnh mang thay, Chỉ có dòng Trường Giang cuộn cuộn chảy mãi không ngừng. Thuở thiếu niên, mũ giáp ngợp trời, Trấn giữ phương Đông Nam, chinh chiến chưa từng dứt. Anh hùng trong thiên hạ, ai là đối thủ? Chỉ có Tào Tháo và Lưu Bị. Sinh con, nên được người như Tôn Trọng Mưu”. Dưới ngòi bút của nhà văn đời Nam Tống Tân Khí Tật, Tôn Quyền là vị thống soái trẻ tuổi, từ khi còn niên thiếu đã cầm quân chinh chiến, không ngừng mở mang và củng cố cơ nghiệp, lập nên những chiến công hiển hách. Trong thiên hạ lúc bấy giờ, chỉ có hai bậc anh hùng là Tào Tháo và Lưu Bị mới có thể sánh được với ông. Quả thực, lịch sử đúng là như vậy.

Ổn định cục diện, bình định Sơn Việt

Năm Kiến An thứ năm (năm 200), sau khi anh trai là Tôn Sách qua đời đột ngột, Tôn Quyền lên kế vị dưới sự ủng hộ mạnh mẽ của mẹ là Ngô Thái phu nhân, cùng sự phò tá của các quan văn võ do Trương Chiêu và Chu Du đứng đầu. Ông được triều đình Đông Hán sắc phong làm Thảo Lỗ tướng quân, đồng thời kiêm chức Thái thú quận Cối Kê, từ đó bắt đầu thống lĩnh vùng Giang Đông.

Có thể nói, Tôn Sách đã để lại cho Tôn Quyền một di sản quân sự và chính trị phong phú. Lúc bấy giờ, nền tảng của nước Ngô đã bước đầu được xác lập, kiểm soát sáu quận ở Giang Đông, bao gồm các vùng thuộc ba châu Dương Châu, Kinh Châu và Giao Châu của triều Hán, trở thành thế lực hùng mạnh nhất tại Giang Đông. Điều này đã đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển và mở rộng thế lực của Tôn Quyền về sau. Về quân sự, Tôn Sách đã bước đầu xây dựng một thể chế quản lý quân đội tương đối độc lập, trong đó quyền thống lĩnh và quyền điều binh được phân định rõ ràng: thống soái nắm quyền điều động toàn cục, còn các tướng lĩnh trực tiếp chỉ huy quân đội dưới quyền. Đồng thời, ông cũng để lại nhiều đại tướng đặc lực như Chu Du, Chu Thái, Hoàng Cái, Trình Phổ... Về hành chính, một cơ cấu quản lý đã được hình thành, với các quan văn phò tá tại trung ương, còn các thành viên tông thất hoặc con em ngoại thích đảm nhiệm việc quân chính ở địa phương. Sau khi lên ngôi, Tôn Quyền kế thừa những di sản mà Tôn Sách để lại nói trên, rồi trên nền tảng đó không ngừng củng cố và mở rộng thế lực, cuối cùng lập nên những công tích lịch sử vẻ vang của riêng mình.

Khi tiếp quản Giang Đông, Tôn Quyền mới 18 tuổi, cục diện vẫn còn khá bất ổn. Đắm chìm trong nỗi đau mất anh, ông ngày đêm khóc thương. Sau khi nghe theo lời khuyên của đại thần Trương Chiêu, Tôn Quyền dần vượt qua bi thương, bắt đầu xử lý chính sự, thị sát quân đội, củng cố lòng quân, khiến “Chúng tâm tri hữu sở quy”, tạm dịch là mọi người đều biết mình đã có người để nương tựa và quy phục. Lúc bấy giờ, Tôn Quyền có hai điều kiện thuận lợi. Thứ nhất, nội bộ Giang Đông

quy tụ rất nhiều nhân tài. Với nguyên tắc dùng người “Cử hiền nhâm năng, các tẩn kỳ tâm”, tạm dịch là đề cử người hiền người có năng lực, để mỗi người đều có thể tận tâm cống hiến”, ông không ngừng phát hiện, trọng dụng và đề bạt những người có tài để phục vụ quốc gia trong suốt những năm sau đó. Thứ hai, ba thế lực lớn tiếp giáp với Giang Đông, vốn có khả năng trực tiếp uy hiếp sự tồn vong của vùng này, đều không có điều kiện hoặc không có ý định can dự vào Giang Đông để tranh giành thế lực với Tôn Quyền. Khi ấy, Tào Tháo đang dốc toàn lực tranh đoạt miền Bắc với Viên Thiệu; còn Lưu Biểu thì tập trung đối phó nguy cơ Tào Tháo Nam tiến, đồng thời đề phòng Lưu Bị ngày càng lớn mạnh. Vì vậy, đối với Tôn Quyền, Lưu Biểu chỉ giao cho Hoàng Tổ, Thái thú quận Giang Hạ, nhiệm vụ đề phòng và kiểm chế. Do đó, những vấn đề chủ yếu mà Tôn Quyền phải đối mặt khi mới lên nắm quyền là thanh trừng những kẻ không thần phục trong nội bộ và bình định các cuộc nổi dậy của người Sơn Việt.

Tôn Quyền lần lượt thanh trừng những người hai lòng, gồm Lý Thuật, Thái thú quận Lư Giang; Tôn Phụ, Thái thú quận Lư Lăng, người bí mật qua lại với Tào Tháo; cùng Thịnh Hiễn, nguyên Thái thú quận Ngô và một số người khác. Đồng thời, ông cũng nhận thức rõ rằng các cuộc nổi dậy của người Sơn Việt có thể đe dọa nghiêm trọng, thậm chí làm sụp đổ nền thống trị của Giang Đông. Vì vậy, Tôn Quyền cử các tướng lĩnh chia nhau tiến hành bình định và chiêu an các bộ tộc Sơn Việt, trấn áp những kẻ nổi loạn, qua đó bảo đảm hậu phương được ổn định và vững chắc.

Thuật ngữ “Sơn Việt” xuất hiện sớm nhất trong “Hậu Hán thư – Linh Đế kỷ”. Họ sinh sống tại những vùng núi cao, rừng rậm ở phía Nam tỉnh An Huy, Chiết Giang, Phúc Kiến và các khu vực lân cận. Theo sử sách ghi chép, người Sơn Việt có vóc người thấp, khuôn mặt ngắn, râu tóc thưa, mũi bè, mắt tròn và to. Họ có tập quán sinh sống gần sông nước, giỏi bơi lội, thiện nghệ chèo thuyền và đi bè, đồng thời còn duy trì tục cắt tóc, xăm mình.

Vào cuối thời Đông Hán, khi Tôn Sách tiến hành khai phá và mở rộng thế lực ở Giang Đông, nhiều dân thường và hào tộc địa phương vì khiếp sợ uy danh của ông nên trước khi quân Tôn Sách kéo đến đã bỏ chạy vào vùng núi sâu. Để tự bảo vệ mình, những người Hán này dần hòa nhập với người Sơn Việt, hình thành các tổ chức quân sự và cộng đồng riêng, không chịu lao dịch, không nộp thuế, sống tự cung tự cấp. Khi bình thường họ là dân, nhưng khi có biến thì trở thành binh lính. Họ thường lợi dụng địa thế hiểm trở để “tập hợp lực lượng đánh chiếm quận huyện, giết hại và cướp bóc quan lại cùng các hào cường địa phương”. Tôn Sách từng nhiều lần giao chiến với người Sơn Việt. Cuối năm Kiến An thứ ba (năm 198), Viên Thuật bí mật xúi giục thủ lĩnh Sơn Việt là Tổ Lang chống lại Tôn Sách. Khi Tôn Quyền theo Tôn Sách chinh phạt các bộ tộc Sơn Việt ở sáu huyện phía Tây huyện Kinh, trong lúc đóng quân tại Tuyên Thành, ông bất ngờ bị quân Sơn Việt tập kích. Lúc ấy, đao của địch đã kề sát cổ Tôn Quyền. Nếu không có đại tướng Chu Thái liều chết xông vào cứu giúp thì Tôn Quyền đã khó có thể giữ mạng.

Năm Kiến An thứ năm (năm 200), khi Tôn Sách dự định bắt ngờ tập kích Hứa Đô – kinh đô của Tào Ngụy, thì người Sơn Việt thừa cơ nổi dậy. Tôn Sách đành phải ưu tiên việc dẹp yên cuộc nổi loạn. Sau khi Tôn Quyền lên kế vị, ông tiếp tục phái quân đi bình định Sơn Việt. Tuy nhiên, năm 203, trong lần đầu tiên Tôn Quyền đem quân tây chinh đánh Hoàng Tổ, Thái thú Giang Hạ, khi chỉ còn bước cuối là công thành thì người Sơn Việt ở Dương Châu hậu phương lại nhân cơ hội nổi loạn. Khiến chiến dịch của Tôn Quyền thất bại trong gang tấc, buộc ông phải rút quân trở về để thảo phạt Sơn Việt.

Sau đó, người Sơn Việt thường xuyên nổi dậy mỗi khi Tôn Quyền giao chiến với Tào Ngụy và các thế lực khác. Tôn Quyền nhiều lần phái quân đi chinh phạt, ép một lượng lớn người Sơn Việt phải rời núi xuống đồng bằng. Những thanh niên trai tráng được biên chế vào quân đội, còn những người khác được đưa vào hộ tịch quốc gia, trở thành thần dân có nghĩa vụ nộp thuế và phục dịch cho nhà nước. Theo “Tam Quốc Ngô bình khảo”, “Sau khi Tôn Quyền kế vị, số binh lính người Sơn Việt mà ông thu nhận trước sau không dưới 130.000 người”. Việc người Sơn Việt xuống núi không chỉ giúp Đông Ngô mở rộng nguồn binh lực và nguồn thu thuế, gia tăng diện tích đất đai, ổn định hậu phương, mà quá trình họ hòa nhập với người Hán còn góp phần thúc đẩy công cuộc khai phá và phát triển vùng Giang Nam.

Ngoài việc bình định người Sơn Việt, từ năm 203 đến năm 208, Tôn Quyền còn ba lần tiến đánh Hoàng Tổ, Thái thú Giang Hạ, và thu phục được danh tướng Cam Ninh. Tôn Quyền hết sức coi trọng Cam Ninh, đối đãi với ông ngang hàng với các lão thần vốn đã theo

phò từ trước. Chính nhờ lắng nghe kiến nghị của Cam Ninh mà trong lần tây chinh thứ ba, Tôn Quyền đã bắt được Hoàng Tổ. Sau đó, khi Cam Ninh đứng ra xin tha cho Tô Phi, Đô đốc Giang Hạ bị bắt làm tù binh, Tôn Quyền cũng thuận theo lời thỉnh cầu và tha mạng cho ông. Điều này một lần nữa thể hiện nghệ thuật dùng người và tấm lòng rộng lượng của Tôn Quyền.

Liên kết với Lưu Bị chống Tào, đại thắng Xích Bích

Sau khi thống nhất miền Bắc, Tào Tháo quyết tâm hoàn thành đại nghiệp thống nhất thiên hạ. Năm Kiến An thứ mười ba (năm 208), ông thống lĩnh đại quân tiến xuống phía Nam, với ý đồ chiếm Kinh Châu do Lưu Biểu kiểm soát, rồi thừa thắng tiến quân đánh Giang Đông, tiêu diệt Tôn Quyền. Khi đại quân Tào Tháo còn chưa tới Kinh Châu, Lưu Biểu lâm bệnh qua đời, khiến cục diện trở nên hết sức phức tạp. Tôn Quyền bèn cử Lỗ Túc lấy danh nghĩa đến viếng tang để sang Kinh Châu dò xét tình hình. Thế nhưng, trước khi Lỗ Túc đến nơi, con trai của Lưu Biểu là Lưu Tông đã đầu hàng Tào Tháo. Còn Lưu Bị, vốn đang nương nhờ Lưu Biểu, cũng bị quân Tào đánh bại tại Trường Bản, Đương Dương (nay thuộc Đương Dương, tỉnh Hồ Bắc). Giang Đông nguy trong sớm tối.

Lỗ Túc liền đến Đương Dương gặp Lưu Bị và đề xuất chủ trương liên minh Tôn – Lưu cùng chống Tào. Đề nghị này hoàn toàn trùng hợp với chủ trương của quân sư Gia Cát Lượng bên Lưu Bị. Vì vậy, Lưu Bị cử Gia Cát Lượng sang Giang Đông bàn việc liên minh. Sau khi yết kiến Tôn Quyền, Gia Cát Lượng đã phân tích

tình hình trước mắt, đồng thời trình bày khả năng cũng như sự cần thiết của việc Tôn – Lưu liên minh chống Tào. Sau đó, Tôn Quyền triệu tập quần thần để bàn bạc việc nên hòa hay nên chiến.

Đúng lúc ấy, Tào Tháo sai sứ giả mang thư đến cho Tôn Quyền. Trong thư viết: “Gần đây ta vâng mệnh triều đình chinh phạt kẻ có tội, cờ mao đã chỉ xuống phương Nam; Lưu Tông đã bó tay quy phục. Nay ta thống lĩnh thủy quân tám mươi vạn, sắp cùng Tướng quân hội sấn tại đất Ngô”. Lời lẽ trong bức thư ngầm cho thấy Tào Tháo sẽ đích thân chỉ huy đại quân 80 vạn tiến đánh Đông Ngô. Thanh thế hùng mạnh của Tào Tháo khiến các đại thần Đông Ngô vô cùng khiếp sợ. Họ lần lượt khuyên Tôn Quyền đầu hàng Tào Tháo. Chỉ có Lỗ Túc cùng các võ tướng kiên quyết chủ chiến. Trước tình thế đó, Tôn Quyền vẫn còn do dự, chưa thể quyết định.

Lúc này, Chu Du vừa trở về triều đình đã kiên quyết bác bỏ ý kiến của số đông và đưa ra những phân tích hết sức sắc bén. Ông chỉ rõ rằng quân Tào không giỏi tác chiến trên sông nước; hơn nữa, lúc ấy đang vào mùa đông giá rét, ngựa thiếu cỏ ăn, binh sĩ phải hành quân đường dài nên không quen thủy thổ, tất sẽ sinh bệnh. Đây chính là điều tối kỵ trong việc dụng binh. Chu Du còn nói với Tôn Quyền rằng quân Tào không hề đáng sợ. Chỉ cần giao cho ông năm vạn tinh binh liền có thể đảm bảo chiến thắng. Nghe vậy, Tôn Quyền vô cùng phấn khởi, nói: “Năm vạn tinh binh thì trong thời gian ngắn khó có thể tập hợp đủ. Hiện nay ta đã tuyển chọn được ba vạn quân, xin giao cho khanh cùng Tử Kính và Trình Công đem quân ra nghênh chiến”. Sau đó, Chu Du được bổ nhiệm làm chủ soái kiêm Tá đô đốc, thống lĩnh

quân đội ngược dòng Trường Giang tiến về phía Tây, chuẩn bị hội quân với lực lượng của Lưu Bị, cùng nhau đối phó Tào Tháo.

Để thể hiện quyết tâm kháng Tào của mình, Tôn Quyền rút thanh bội đao đeo bên người, vung mạnh chém đứt một góc chiếc bàn trước mặt, rồi lớn tiếng nói: “Kể từ lúc này, bất cứ quan văn quan võ nào còn dám nói đến việc đầu hàng Tào Tháo thì kết cục sẽ giống như chiếc bàn này!”



Sơ đồ minh họa trận Xích Bích. (Ảnh: Tư liệu công cộng)

Dưới sự chỉ huy tài tình của Chu Du, liên quân Tôn – Lưu đã sử dụng chiến thuật hỏa công, đại phá quân Tào trong trận Xích Bích. Quân sĩ và chiến mã của quân

Tào bị thiêu chết hoặc chết đuối nhiều không kể xiết. Chiến thắng Xích Bích không chỉ khiến danh tiếng của Chu Du vang dội khắp Tam Quốc, lưu danh thiên cổ, mà còn thể hiện tầm nhìn và quyết sách sáng suốt của Tôn Quyền. Đồng thời, thất bại này cũng khiến Tào Tháo tạm thời không thể tiếp tục tiến xuống phía Nam, tạo nên cục diện thiên hạ chia ba.

Lúc bấy giờ, tuy trên danh nghĩa Kinh Châu thuộc về Tôn Quyền, nhưng trong các quận của Kinh Châu thì bốn quận gồm Vũ Lăng, Trường Sa cùng các vùng lân cận nằm trong tay Lưu Bị; Tào Tháo chiếm giữ hai quận, còn Tôn Quyền cũng kiểm soát hai quận. Xét thấy liên minh Tôn – Lưu có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc cùng chống Tào, Tôn Quyền đã nghe theo lời khuyên của Lỗ Túc và đồng ý với đề nghị của Lưu Bị cho mượn toàn bộ Kinh Châu.

Mở mang bờ cõi, liên kết với Tào đánh Thục

Không lâu sau khi giành thắng lợi trong trận Xích Bích, Chu Du lâm bệnh qua đời. Tôn Quyền vô cùng đau buồn và giao cho Lỗ Túc tiếp nhận chức vụ của Chu Du. Sau đó, Tôn Quyền bắt đầu đẩy mạnh việc mở mang lãnh thổ. Năm 210, ông cử Bộ Chất giữ chức Thứ sử Giao Châu và đem quân tiến xuống phía Nam. Giao Châu khi ấy bao gồm khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam ngày nay, bán đảo Lôi Châu thuộc tỉnh Quảng Đông và phía Nam tỉnh Quảng Tây. Trước sức ép của quân Đông Ngô, Thái thú Giao Châu là Sĩ Nhiếp cùng phần lớn các thế lực địa phương đều quy phục. Nhờ đó, biên giới của nước Ngô được mở rộng đến Giao Châu.

Năm 211, Tôn Quyền dời trụ sở đến Mạt Lăng. Sang năm sau, ông cho xây dựng thành Thạch Đầu, đổi tên Mạt Lăng thành Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh), đồng thời xây dựng lũy Nhu Tu để đề phòng Tào Tháo xâm lược xuống phía Nam. Mùa xuân năm 213, Tào Tháo đích thân thống lĩnh 40 vạn thủy lục đại quân từ cửa Nhu Tu tiến đánh Giang Đông. Tiếng trống trận, tiếng chiêng vang dội, cờ xí che kín bầu trời, khí thế hoành tráng như cầu vồng.

Tôn Quyền cũng tự mình chỉ huy bảy vạn quân nghênh chiến. Quân ngũ chỉnh tề, trận thế nghiêm mật, phòng thủ cả trên bộ lẫn dưới nước. Trong hơn một tháng hai bên giằng co, Tôn Quyền từng đích thân đi thuyền nhẹ đến do thám doanh trại quân Tào vào ban đêm. Quân Tào đồng loạt bắn tên như mưa, còn Tôn Quyền thì chớ đầy tên quay về an toàn. Tình tiết này về sau được “Tam Quốc Diễn Nghĩa” hư cấu và chuyển thành câu chuyện nổi tiếng “Gia Cát Lượng thuyền cỏ mượn tên”. Chứng kiến quân đội Giang Đông hùng mạnh, quân dung nghiêm chỉnh và kỷ luật nghiêm minh, Tào Tháo không khỏi thốt lên: “Sinh con thì phải được như Tôn Trọng Mưu; con của Lưu Cảnh Thăng thì chỉ như lợn chó mà thôi!” Câu nói này đã được lưu truyền thiên cổ. Cũng chính vì nhận thấy thực lực của Đông Ngô không dễ khuất phục, Tào Tháo là người chủ động rút quân trước.

Sau đó, Tôn Quyền đem quân chinh phạt Hoàn Thành, bắt sống Chu Quang, Thái thú quận Lư Giang. Năm 215, sau khi lấy Kinh Châu làm căn cứ để tiếp tục mở rộng thế lực, Lưu Bị đã chiếm được đất Thục. Vì vậy, Tôn Quyền sai Gia Cát Cẩn đến đòi lại Kinh Châu,

nhưng Lưu Bị không chấp thuận. Vô cùng tức giận, Tôn Quyền cử Lã Mông làm chủ tướng, liên tiếp đánh chiếm ba quận Trường Sa, Quế Dương và Linh Lăng. Lưu Bị cũng huy động năm vạn quân, khiến đại chiến giữa hai bên chỉ còn trong gang tấc. Tuy nhiên, khi quân Tào tiến đánh Hán Trung, Ích Châu của Lưu Bị đứng trước nguy cơ bị uy hiếp. Trước tình thế đó, Lưu Bị và Tôn Quyền quyết định giảng hòa. Hai bên lấy sông Tương làm ranh giới phân chia đất đai, theo đó Lưu Bị trao cho họ Tôn phần lãnh thổ ở phía Đông các quận Trường Sa, Giang Hạ và Quế Dương.

Ba năm sau, Quan Vũ, tướng trấn giữ Kinh Châu của Lưu Bị, phát động trận Tương Phàn. Lúc bấy giờ, thấy thế lực của Lưu Bị ngày càng lớn mạnh, dần trở thành mối đe dọa đối với mình, Tôn Quyền quyết định xưng thần với Tào Tháo để thiết lập liên minh. Đồng thời, ông cử Lã Mông làm Đô đốc, bất ngờ tập kích chiếm lấy Kinh Châu, bắt và giết Quan Vũ. Năm 219, Tào Tháo dâng biểu lên triều đình, bổ nhiệm Tôn Quyền giữ chức Phiêu Kỵ Tướng quân, đồng thời phong tước Nam Xương hầu cùng các tước vị khác. Biết rõ rằng sau khi giết Quan Vũ, Lưu Bị chắc chắn sẽ không chịu bỏ qua, Tôn Quyền bèn sai người mang thủ cấp của Quan Vũ dâng cho Tào Tháo. Về phần Tào Tháo, ông đã an táng thi hài của Quan Vũ “theo nghi lễ dành cho chư hầu”.

Tháng Giêng năm 220, Tào Tháo lâm bệnh qua đời, con trai là Tào Phi kế vị. Đến tháng Mười cùng năm, Tào Phi phế Hán tự lập làm Hoàng đế, lập quốc hiệu Ngụy, sử gọi là Tào Ngụy. Năm sau, Lưu Bị cũng xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán, sử gọi là Thục Hán. Ba tháng sau khi lên ngôi Hoàng đế, để báo thù cho Quan Vũ, Lưu

Bị phát binh chinh phạt Tôn Quyền. Tôn Quyền hai lần sai sứ sang Ích Châu cầu hòa nhưng đều không thành. Một mặt, ông bổ nhiệm Lục Tốn, khi ấy 39 tuổi, làm Đại Đô đốc chỉ huy quân đội nghênh chiến Lưu Bị; mặt khác, nhằm tránh rơi vào thế bị Thục Hán và Tào Ngụy hai mặt giáp công, ông cử sứ giả sang xin quy phục nước Ngụy với tư cách chư hầu. Tào Phi bèn ban cho Tôn Quyền Cửu tích (chín loại lễ vật mà Hoàng đế ban tặng), đồng thời sắc phong ông làm Ngô Vương, Đại Tướng quân, kiêm Kinh Châu Mục, trao quyền thống lĩnh mọi quân vụ tại ba châu Kinh, Dương và Giao.

Trong trận Di Lăng diễn ra vào năm sau, Lục Tốn đã không phụ sự kỳ vọng, chỉ huy quân Đông Ngô đại phá 70 vạn quân Thục. Thất bại thảm hại ở Di Lăng khiến Thục Hán, sau khi đã mất Kinh Châu vì Quan Vũ, lại một lần nữa bị tổn hại nghiêm trọng về thực lực. Trong một thời gian ngắn, nước Thục khó có thể tiếp tục tạo thành mối đe dọa với cả Ngụy lẫn Ngô. Tuy nhiên, đối với Đông Ngô, từ đó phải một mình đối mặt với sức ép cả về chính trị lẫn quân sự từ nước Ngụy. Muốn duy trì nền độc lập và tiếp tục phát triển, Tôn Quyền buộc phải tìm cách cân bằng thế lực và thoát khỏi tình thế nguy hiểm. Vì vậy, sau trận Di Lăng, Tôn Quyền chủ động xin lỗi Lưu Bị để hàn gắn quan hệ giữa Ngô và Thục, đồng thời cắt đứt quan hệ với Tào Ngụy, khiến nước Ngụy không dám dễ dàng manh động.

Sở dĩ Tôn Quyền nhiều lần có thể lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều và giúp Đông Ngô luôn giữ vững thế bất bại trong những thời khắc then chốt, chủ yếu là nhờ con mắt nhìn người hết sức tinh tường, biết trọng

dụng hiền tài, đồng thời luôn khéo léo lắng nghe và tiếp thu những lời can gián, kiến nghị của quần thần.

Đại chiến với Tào Ngụy, đẳng cơ xưng Đế

Năm 223, sau khi Lưu Bị qua đời, các đại thần Đông Ngô khuyên Tôn Quyền lên ngôi Hoàng đế, nhưng ông cho rằng thời cơ vẫn chưa chín muồi. Năm sau (224), Tào Phi cử quân đánh Ngô. Tuy nhiên, đúng vào mùa nước lũ trên sông Trường Giang, nước sông dâng cao khiến quân Ngụy không thể vượt sông, đành phải rút lui. Năm 225, bất chấp lời can gián của đại thần Bào Huân, Tào Phi một lần nữa phát binh chinh phạt Đông Ngô. Thế nhưng, do điều kiện khí hậu bất lợi, cuộc chinh phạt lại kết thúc trong thất bại và quân Ngụy buộc phải rút quân. Trên đường lui binh, Dương Uy Tướng quân của Đông Ngô là Tôn Thiệu sai bộ tướng Cao Thạ chỉ huy một đội cảm tử gồm 500 dũng sĩ, lợi dụng màn đêm men theo đường nhỏ, bất ngờ tập kích thẳng vào đại bản doanh trung quân của Tào Phi. Tào Phi kinh hãi, vội vàng bỏ chạy. Cao Thạ thu được xe tùy tùng, lọng lông vũ cùng nhiều nghi trượng và quân nhu của Tào Phi. Sau khi trở về, Tào Phi vì tức giận và hổ thẹn đã kiếm có xử tử Bào Huân. Quần thần đều vô cùng thương tiếc và phẫn uất trước cái chết oan của ông: “Không ai là không tiếc thương và căm phẫn cho Bào Huân”.

Sau khi Tào Phi qua đời năm 226, con trai là Tào Duệ lên kế vị. Năm 228, Gia Cát Lượng, Thừa tướng của Thục Hán, phát động cuộc Bắc phạt lần thứ nhất, khiến triều đình và quân dân nước Ngụy chấn động. Tào Duệ đích thân thống lĩnh đại quân tiến đến Trường An, trực

tiếp điều động và chỉ huy quân Ngụy ở các vùng Quan Trung, Ung Châu và Lương Châu đối phó với Gia Cát Lượng. Nhân cơ hội ấy, Tôn Quyền sai Chu Phường, Thái thú quận Bà Dương, giả vờ đầu hàng để nhử Tào Hưu, Đại Tư Mã kiêm Dương Châu Mục của nước Ngụy, mắc mưu. Sau khi được Tào Duệ chấp thuận, Tào Hưu dẫn mười vạn quân tiến vào đất An Huy. Tại đây, ông rơi vào trận phục kích do Lục Tốn bố trí và đại bại. Sau thất bại ấy, Tào Hưu vô cùng uất ức, khiến căn bệnh ung nhọt ở lưng phát tác rồi qua đời.

Chiến thắng trong chiến dịch này khiến quần thần một lần nữa khuyên Tôn Quyền lên ngôi Hoàng đế. Lần này, Tôn Quyền đã chấp thuận. Năm 229, Tôn Quyền cử hành lễ tế Giao ở phía Nam thành Vũ Xương, chính thức đăng cơ Hoàng đế và đổi niên hiệu thành Hoàng Long. Ông truy tôn cha mình là Phá Lỗ Tướng quân Tôn Kiên làm Vũ Liệt Hoàng đế, truy tôn mẹ là Ngô phu nhân làm Vũ Liệt Hoàng hậu; truy phong anh trai là Thảo Nghịch Tướng quân Tôn Sách làm Trường Sa Hoàn Vương; đồng thời lập trưởng tử Tôn Đăng làm Hoàng Thái tử. Trong bài văn tế Trời, Tôn Quyền cho rằng: “Thiên ý dĩ khứ vu Hán, Hán thị dĩ tuyệt tự vu thiên, hoàng đế vị hư, Giao tự vô chủ. Hưu trưng gia thụy, tiền hậu tạp đạp, lịch sổ tại cung, bất đắc bất thụy.” Tạm dịch là Thiên mệnh đã rời khỏi nhà Hán, nhà Hán cũng không còn tế Trời, ngôi Hoàng đế để trống, lễ tế Giao không còn ai chủ trì. Những điềm lành và điềm tốt liên tiếp xuất hiện, Thiên mệnh đã đến với ta, nên ta không thể không tiếp nhận”. Trong bài văn này, Tôn Quyền tự xem mình là người kế thừa chính thống của nhà Hán, đồng thời kịch liệt lên án họ Tào vì tội soán

ngôi nhà Hán. Tuy nhiên, ông không hề nhắc đến chính quyền Thục Hán dù chỉ một lời.

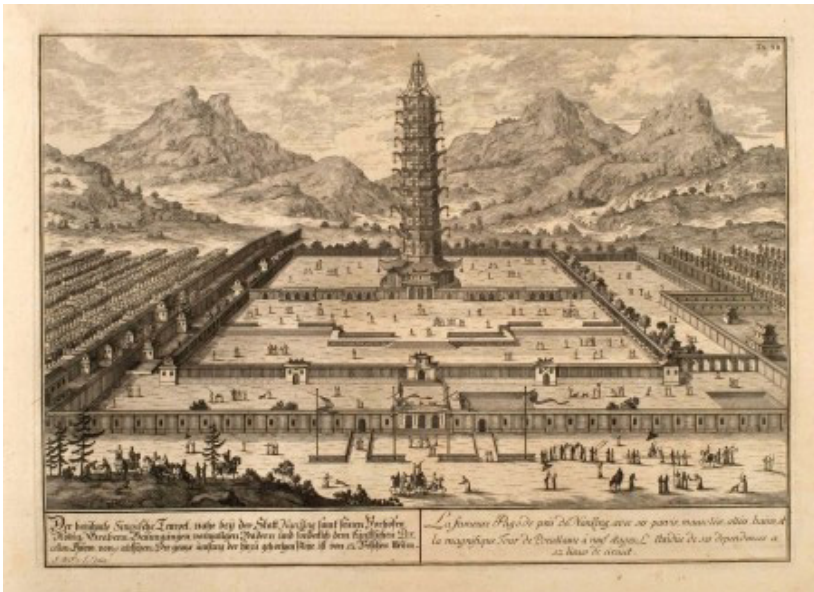
Ý đồ “cùng tôn hai Đế” của Tôn Quyền cũng được Gia Cát Lượng thấu hiểu. Sau khi thuyết phục quần thần, Gia Cát Lượng cử Vệ úy Trần Chấn sang Vũ Xương chúc mừng Tôn Quyền đăng cơ, đồng thời ký kết với nước Ngô một minh ước chính thức về việc chia nhau thiên hạ. Phương án phân chia lãnh thổ nước Ngụy được quy định như sau: “Khi Trần Chấn đến Vũ Xương, Tôn Quyền cùng Trần Chấn lên đàn làm lễ uống máu ăn thề, giao ước chia thiên hạ: các châu Từ, Dự, U và Thanh thuộc về Ngô; các châu Tịnh, Lương, Ký và Duyện thuộc về Thục; còn đất thuộc Tư Châu thì lấy cửa ải Hàm Cốc làm ranh giới”. Mục tiêu chung của hai nước là “diệt Tào Duệ”. Hai bên còn thề ước: “Kể từ hôm nay, sau khi Hán và Ngô kết minh, sẽ đồng tâm hiệp lực, cùng nhau đánh dẹp giặc Ngụy, cứu nguy giúp nạn, cùng chia sẻ hoạn nạn và vui mừng, cùng chung yêu ghét, tuyệt không phản bội hay ly gián. Nếu có kẻ xâm hại nhà Hán thì Ngô sẽ đem quân đánh; nếu có kẻ xâm hại nước Ngô thì Hán sẽ đem quân đánh. Mỗi bên giữ vững lãnh thổ đã phân định, không được xâm phạm lẫn nhau”.

Bản minh ước này đã được cả hai bên cùng ghi nhận và tuân thủ. Cho đến khi Thục Hán diệt vong năm 263, trong suốt hơn 30 năm, hai bên chưa từng vi phạm cam kết, duy trì hiệu quả thể chân vạc tam quốc.

Không lâu sau khi lên ngôi, Tôn Quyền hạ chiếu dời đô về Kiến Nghiệp và ở đó cho đến khi qua đời hơn 20 năm sau. Từ lúc tiếp quản quyền lực, đến khi chia ba thiên hạ rồi chính thức đăng cơ xưng Đế, Tôn Quyền quả không hổ danh là một bậc hùng chủ một thời.

Chẳng trách La Quán Trung trong “Tam Quốc Diễn Nghĩa” đã khắc họa Tôn Quyền rằng: “Tử nhiêm bách nhân hào anh hùng, năng sử thần liêu khảng tấn trung. Nhị thập tứ niên hưng đại nghiệp, long bàn hổ cứ tại Giang Đông”. Tạm dịch là Râu tím mắt xanh xưng anh hùng, Khiến cho quần thần dốc lòng trung. Hai mươi tư năm gây đại nghiệp, Rồng cuộn hổ ngồi chốn Giang Đông. Còn nhà văn đầu thời Nguyên – Nguyên Hảo Vấn – lại khiến lòng người hướng về với câu thơ: “Tôn lang kiêu kiêu nhân trung long, cố phán sắt trá sinh vân phong”. Tạm dịch là Tôn Lang sừng sừng rồng trong trần thế, Mắt dôi tiếng hô động đến mây phong.

Tôn Quyền (4): Chứng kiến Thần tích, hoàng dương Phật Pháp



Tôn Quyền đã cho xây dựng tháp A Dục Vương để tôn thờ xá lợi Phật. Tòa tháp này chính là tiền thân của chùa Đại Báo Ân mà Minh Thành Tổ Chu Đệ cho xây dựng sau này. Trong hình là tranh vẽ chùa Đại Báo Ân trong tác phẩm “Plan of Civil and Historical Architecture” do Johann Bernhard Fischer von Erlach xuất bản năm 1721. (Tư liệu công cộng)

Tiếng chuông lạc đà trong trẻo, những đoàn lạc đà chở đầy hàng hóa đủ màu sắc, thảo nguyên bao la, muôn hoa nở khắp trời, dòng sông trong vắt và hành trình dài đằng đẵng – Con đường Tơ lụa cổ đại đã để lại cho hậu thế biết bao câu chuyện và niềm hoài tưởng. Chính dọc theo con đường cổ này, Phật giáo – có nguồn

gốc từ Ấn Độ – đã được truyền vào Trung Quốc vào cuối thời Tây Hán, đầu thời Đông Hán. Theo sử sách ghi chép, Minh Đế – vị hoàng đế thứ hai của triều Đông Hán – rất sùng bái Phật Pháp. Sau khi nằm mộng thấy ở Tây Vực có một vị Thần tên là “Phật”, vào năm 68, ông đã cử Thái Âm và Tần Cảnh cùng những người khác sang Thiên Trúc (Ấn Độ ngày nay) để thỉnh cầu kinh Phật và giáo pháp. Đến năm sau, ông cho xây dựng tại Lạc Dương ngôi chùa đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, mang tên “Bạch Mã tự”. Minh Đế còn mời các bậc cao tăng từ Thiên Trúc đến đây dịch kinh, truyền bá Phật Pháp; đồng thời, nhiều tăng sĩ Thiên Trúc cũng lần lượt sang Trung Quốc để hoằng dương Phật giáo.

Lần đầu gặp Sa môn

Thời kỳ Tam Quốc, Phật giáo truyền vào Đông Ngô. Tuy nhiên, theo ghi chép trong Kim Lăng Phạm Sát Chí, vào thời vua Tôn Quyền tại vị, Phật giáo vẫn chưa thực sự phát triển hưng thịnh.

Năm Công nguyên 248, Ngô Đại Đế Tôn Quyền đang xử lý công việc tại cung Kiến Nghiệp thì quan lại vào tâu báo: “Một ngày trước, có một người Hồ đi vào lãnh thổ Đông Ngô. Người này tự xưng là Sa môn, diện mạo và trang phục vô cùng kỳ lạ, xin Bệ hạ cho xét hỏi”. Lần đầu tiên nghe thấy hai từ “Sa môn”, Tôn Quyền liền hỏi người đó đã làm những gì. Quan lại tâu rằng, ông ta tự dựng một gian nhà tranh rồi đặt tượng Phật bên trong, tuyên truyền với bên ngoài rằng Phật là người đại triệ đại ngộ, vượt qua sinh tử, có thể giải cứu chúng sinh khỏi khổ nạn. Thế nhưng ông ta mũi cao mắt sâu, lại cạo trọc đầu, nên không mấy ai dám tin, vì vậy... Tôn

Quyền ngắt lời, nói: “Năm xưa Hán Minh Đế nằm mơ thấy Thần nhân, cũng tự xưng là Phật. Tín ngưỡng của người này liệu có giống với điều đó chăng? Người hãy dẫn hẳn vào đây gặp Trẫm”.

Chẳng bao lâu sau, viên quan đã dẫn vị Sa môn ấy đến yết kiến Tôn Quyền. Thấy người này phong thái hiên ngang, đôi mắt sáng quắc đầy thần thái, Tôn Quyền trong lòng rất vui mừng, bèn trước tiên hỏi tên họ và quê quán. Vị Sa môn tự giới thiệu mình tên là Khang Tăng Hội. Tổ tiên ông là người nước Khang Cư, nhiều đời sinh sống ở Thiên Trúc, nhưng bản thân ông lại lớn lên tại Giao Chỉ (nay là Việt Nam). Theo sử sách ghi chép, sau khi cha mẹ đều qua đời, Khang Tăng Hội mãn tang rồi xuất gia làm tăng. Ông nghiêm trì giới luật Phật gia, tính tình khoan hậu, tao nhã và là người có kiến thức, tầm nhìn sâu rộng. Với chí nguyện hoằng dương Phật Pháp, ông đã đến Đông Ngô.

Vì tò mò, Tôn Quyền hỏi Khang Tăng Hội rốt cuộc Phật có chỗ nào linh nghiệm. Khang Tăng Hội đáp: “Từ khi Đức Như Lai nhập niết bàn đến nay, thoát chốc đã hơn 1000 năm. Khi ấy, di cốt của Đức Phật hóa thành xá lợi, tỏa ra hào quang thần diệu. Vua A Dục từng cho xây dựng 84.000 ngôi tháp để phụng thờ xá lợi. Các đời sau dựng tháp, xây chùa cũng đều nhằm hoằng dương di nguyện của Đức Phật. Kính mong bệ hạ rộng lòng giúp sức”.

Nửa tin nửa ngờ, Tôn Quyền nói: “Nếu khanh có thể thỉnh được xá lợi Phật để Trẫm tận mắt chứng kiến, Trẫm sẽ cho xây dựng tháp và chùa để phụng thờ. Nhưng nếu khanh dám lừa dối Trẫm, thì quốc gia tự có pháp luật và hình phạt để xử trị”. Khang Tăng Hội bèn

thỉnh cầu Tôn Quyền cho mình thời hạn 7 ngày để cầu
thỉnh xá lợi.



*Chân dung Tôn Quyền do họa sĩ thời nhà Thanh vẽ.
(Tư liệu công cộng)*

Hữu duyên được tận mắt chiêm bái xá lợi

Trở về túp lều tranh, Khang Tăng Hội kể lại toàn bộ sự việc cho các đệ tử. Mọi người đều biết rằng đây tuyệt không phải việc dễ dàng. Mang theo quyết tâm: “Sự hưng hay suy của Phật Pháp đều nằm ở lần này!”, Khang Tăng Hội tắm gội, thay y phục, rồi vào tĩnh thất thành tâm trai giới. Ông cung kính đặt một chiếc bình đồng lên bàn hương án, ngày đêm đốt hương, lễ bái, cung thỉnh xá lợi giáng lâm.

Thế nhưng, 7 ngày trôi qua mà trong bình vẫn trống không. Khang Tăng Hội bèn xin gia hạn thêm 7 ngày, Tôn Quyền đồng ý. Nhưng đến hết 14 ngày, xá lợi vẫn chưa giáng hiện. Tôn Quyền bắt đầu nổi giận, định sai người bắt Khang Tăng Hội để trị tội. Khang Tăng Hội tâm rằng việc cung thỉnh xá lợi tuyệt đối không phải dễ dàng như gánh nước hay chẻ củi. Có lẽ trong số các đệ tử của ông có người vì e sợ uy quyền của nhà vua mà tâm chưa thanh tịnh, thần chưa chuyên nhất, khiến Đức Phật quả trách, nên ông khẩn cầu được gia hạn thêm 7 ngày nữa. Tôn Quyền lại chấp thuận. Khang Tăng Hội nói với các đệ tử: “Nếu lần này vẫn không có linh ứng, chúng ta nguyện lấy cái chết để tạ tội!” Từ đó, mọi người càng thành tâm chí kính cầu nguyện hơn. Đến ngày thứ 7, từ sáng sớm, giữa trưa cho đến chiều tối, trong bình vẫn trống rỗng. Nhưng đến canh năm, bỗng vang lên một tiếng “keng” trong bình đồng. Khang Tăng Hội đích thân đến xem, quả nhiên đã có được xá lợi Phật. Đây chính là nguồn gốc của điển tích “cảm ứng xá lợi”.

Trời vừa sáng, Khang Tăng Hội ôm chiếc bình đồng đến yết kiến Tôn Quyền. Toàn thể văn võ bá quan trong triều cũng đều đến tận mắt chứng kiến. Chỉ thấy hào quang ngũ sắc tỏa sáng rực rỡ trên chiếc bình đồng, mọi người không ngớt lời tán thán. Tôn Quyền cầm chiếc bình đồng, đổ xá lợi ra một chiếc mâm đồng. Xá lợi vừa rơi xuống thì lập tức xuyên thủng, làm chiếc mâm đồng vỡ tan ngay tức khắc. Tôn Quyền vô cùng kính phục và nghiêm cẩn nói: “Tuy việc này đã chậm hơn thời hạn đã định, nhưng cuối cùng thật sự không phải là giả”.

Ông không khỏi cảm thán: “Đây quả thực là một điềm lành hy hữu, xưa nay hiếm có”.

Khang Tăng Hội lại nói với Tôn Quyền rằng xá lợi Phật cứng rắn vô cùng: “Lửa dữ cũng không thể thiêu cháy, chày kim cương cũng không thể phá vỡ”. Nghe vậy, Tôn Quyền liền hạ lệnh đặt viên xá lợi lên một chiếc đe sắt, rồi sai lực sĩ cầm búa sắt ra sức nện xuống. Kết quả, cả đe lẫn búa đều bị lõm thành vết, còn viên xá lợi vẫn nguyên vẹn, không hề hư hại. Tôn Quyền từ đó hoàn toàn khâm phục.

Ban chiếu xây chùa, hoằng dương Phật Pháp

Tôn Quyền đã giữ đúng lời hứa. Ông lập tức ban chiếu chỉ cho xây dựng tháp và chùa, để thầy trò Khang Tăng Hội ở đó truyền bá Phật Pháp. Vì đây là ngôi chùa đầu tiên ở vùng Giang Đông, nên được đặt tên là chùa Kiến Sơ, còn khu vực quanh chùa được gọi là Phật Đà Lý. Ngoài ra, Tôn Quyền còn cho xây dựng tháp A Dục Vương để phụng thờ viên xá lợi cảm ứng. Ngọn tháp này chính là tiền thân của chùa Đại Báo Ân, công trình

được Minh Thành Tổ Chu Đệ cho xây dựng về sau. Kể từ đó, Tôn Quyền hết lòng sùng tín Phật giáo, và Phật Pháp ở vùng Giang Đông cũng ngày càng hưng thịnh.

Tháng 8/2008, trong một hộp sắt được khai quật từ địa cung tại di chỉ chùa Đại Báo Ân, các nhà khảo cổ đã phát hiện tháp A Dục Vương thất bảo bằng cùng hàng loạt văn vật và thánh tích mang tầm cỡ thế giới. Bên trong còn có “Phật đỉnh chân cốt” (xương đỉnh đầu thật của Đức Phật). Phát hiện này một lần nữa chứng minh việc Tôn Quyền cho xây dựng tháp A Dục Vương năm xưa là một sự kiện có thật trong lịch sử.

Hiện thế báo ứng – Tôn Hạo bắt đầu tin vào Phật Pháp

Hơn 20 năm sau khi Tôn Quyền qua đời, Tôn Hạo, vị hoàng đế cuối cùng của Đông Ngô, lên ngôi. Ông ta cai trị tàn bạo, vô độ, ra lệnh bãi bỏ các hình thức tế tự địa phương mà mình cho là không chính thống, không tin vào sự tồn tại của Thần Phật, đồng thời còn định phá hủy các ngôi chùa. Các đại thần đều hết sức can ngăn, cho rằng Phật pháp là công trình do tiên vương xây dựng. Nếu tùy tiện phá bỏ, e rằng sẽ chuốc lấy sự quở phạt của trời, đến lúc hối hận thì cũng đã quá muộn. Vì thế, Tôn Hạo sai Trương Dục, người vốn không tin Thần Phật và nổi tiếng giỏi biện luận, đến chùa Kiến Sơ để chất vấn Khang Tăng Hội.

Trương Dục và Khang Tăng Hội tranh biện qua lại, từ sáng sớm cho đến tận chiều tối, nhưng Trương Dục vẫn không thể khuất phục được Khang Tăng Hội. Sau đó, khi nghe Trương Dục thuật lại rằng Khang Tăng Hội là người trí tuệ uyên thâm, tài năng xuất chúng, không

phải người thường có thể đo lường, Tôn Hạo bèn cho mời ông vào triều để hỏi về đạo lý thiện ác báo ứng. Khang Tăng Hội dùng những lời lẽ giản dị để giải thích cho Tôn Hạo hiểu rằng: “Người làm điều ác sẽ phải vào địa ngục, người tu thiện sẽ được sinh lên cõi trời. Địa ngục và thiên đường lại có nhiều cảnh giới khác nhau; mức độ chịu khổ hay hưởng phúc đều được quyết định tùy theo thiện ác mà mỗi người đã gây tạo. Đó chính là đạo lý dùng để khuyến khích con người làm điều thiện và răn đe điều ác”. Mặc dù không thể bác bỏ được những lập luận của Khang Tăng Hội, Tôn Hạo vẫn chưa tin vào Phật Pháp. Tuy nhiên, từ đó ông cũng không cho phá hủy chùa chiền và Phật tháp nữa.

Một hôm, khi lính canh sửa sang ngự hoa viên trong hậu cung, họ đào được từ dưới đất một pho tượng Phật bằng vàng và dâng lên Tôn Hạo. Ông liền sai người đặt pho tượng ở nơi ô uế, còn cho đổ đầy nước phân vào đó để cùng quần thần cười cợt mua vui. Không bao lâu sau, toàn thân Tôn Hạo sưng phù, đặc biệt vùng kín đau đớn dữ dội. Ông đau đến mức hất tung bàn án, ngã nhào khỏi chỗ ngồi, vừa la hét vừa quần quai. Quan Thái sử gieo quẻ bói rồi tâu rằng: “Đây là do đã xúc phạm đến bậc Đại Thần”. Sau đó, Tôn Hạo đến chùa thắp hương, thành tâm sám hối. Chẳng bao lâu, cơn đau trên người ông liền biến mất. Kể từ đó, mọi ác cảm của Tôn Hạo đối với Phật Pháp đều tiêu tan. Ông mời Khang Tăng Hội vào cung thuyết pháp cho mình, đồng thời hỏi tường tận về căn nguyên của phúc lạc và tội báo.

Biết Tôn Hạo vốn có tính tình hung bạo, thô lỗ, khó lĩnh hội những giáo lý uyên thâm, nên Khang Tăng Hội chỉ giảng cho ông những đạo lý giản dị về thiện ác báo

ứng, dùng đó để từng bước khai thị và cảm hóa. Tôn Hạo vốn cũng có căn cơ lĩnh ngộ. Sau khi nghe giảng, trong lòng ông sinh khởi thiện niệm. Chừng hơn 10 ngày sau, bệnh tình của ông hoàn toàn bình phục. Từ đó, Tôn Hạo ra lệnh cho tất cả người trong hoàng cung đều phải tin theo Phật Pháp.

Tuy nhiên, bản tính của Tôn Hạo rất cuộc vẫn khó thay đổi. Ông vẫn ngày ngày làm nhiều việc hoang dâm, tàn bạo và trái đạo lý, khiến quốc lực Đông Ngô ngày càng suy yếu, cuối cùng đi đến diệt vong.

Tuy nhiên, sự hoằng dương và ủng hộ Phật Pháp của Tôn Quyền, cùng với sự thay đổi thái độ của Tôn Hạo, đã góp phần thúc đẩy Phật Pháp truyền bá rộng khắp vùng Giang Nam. Sự hưng thịnh của Phật giáo ở Giang Nam trong thời kỳ Ngụy – Tấn – Nam Bắc triều cũng có liên hệ với những sự kiện này.

Tôn Quyền (5): Củng cố nền tảng, mưu tính lâu dài; anh hùng thời đại



Chân dung Tôn Quyền (The Epoch Times chế tác)

Nhà thơ đời Đường Vương Bột từng viết bài tản văn “Tam Quốc luận”, trong đó ông đã khái quát hết sức cô đọng những phẩm chất của Tôn Quyền với tư cách một bậc đế vương “đề cử hiền tài, dùng theo năng lực”, cùng những công lao to lớn mà ông đã lập được trong suốt cuộc đời. Ông kế thừa sự nghiệp của cha và anh, giao trọng trách cho Chu Du và Lỗ Túc. Ông rơi lệ vì thương tích của Chu Thái, cầu nguyện ông trời vì bệnh tình của Lã Mông, quý trọng tài năng của Chu Hoàn nên không kết tội ông, lắng nghe lời can gián của Trương Chiêu

và nhiều lần đích thân đến thăm hỏi. Chính vì biết trân quý và trọng dụng nhân tài như vậy nên lãnh thổ nước Ngô đã mở rộng về phía nam đến Giao Chỉ (nay là miền Bắc Việt Nam), đẩy lui quân lính ở các vùng Ngũ Lĩnh; về phía đông vươn đến tận ven biển, thu phục được các bộ tộc Bách Việt. Lãnh thổ rộng tới 5.000 dặm, binh lực lên đến hàng trăm nghìn người. Quả thật, Tôn Quyền xứng đáng là bậc hùng tài thần vũ, anh hùng thời đại.

Củng cố nền tảng, mưu tính lâu dài, phát triển Giang Nam

Sau khi lên ngôi, ngoài việc mở mang bờ cõi và củng cố chính quyền thông qua các hoạt động quân sự, Tôn Quyền còn thiết lập quan hệ với các thế tộc ở Giang Đông bằng nhiều hình thức như kết thông gia và chiêu dụ, vỗ về, nhằm giành được sự ủng hộ của họ. Đồng thời, Tôn Quyền cũng đặc biệt chú trọng đến việc khai phá và phát triển vùng đất phía nam sông Trường Giang (Giang Nam).

Từ thời Đông Hán, khu vực phía nam sông Trường Giang tuy đã được khai phá ở một mức độ nhất định, nhưng nhiều nơi vẫn còn là vùng đất hoang vu. Cuối thời Đông Hán, chiến loạn liên miên ở miền Bắc khiến đông đảo dân chúng di cư xuống phương Nam, mang theo nguồn nhân lực dồi dào, vật lực và kỹ thuật sản xuất. Tôn Quyền liền tập hợp những người di cư này để phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời thi hành chế độ đồn điền. Đồn điền được chia thành quân đồn và dân đồn, đồng thời thiết lập các chức quan như Điển nông Hiệu úy, Điển nông Đô úy và Đồn điền Đô úy để phụ trách quản lý. Binh sĩ quân đồn vừa cày cấy

vừa làm nhiệm vụ chiến đấu, còn các hộ dân đồn chỉ chuyên canh tác và được miễn các loại lao dịch. Để khuyến khích tướng sĩ tích cực khai khẩn đồn điền, Tôn Quyền còn cho đem tám con trâu vốn dùng để kéo xe ngựa của mình chuyển thành trâu cày, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Vào thời bấy giờ, tại nhiều nơi ở Giang Nam vẫn còn áp dụng những phương thức canh tác lạc hậu như đốt nương làm rẫy và gieo trồng trên ruộng nước bằng phương pháp thủ công. Dưới sự khuyến khích của Tôn Quyền, phương pháp cày ghép bằng hai trâu kéo một lưỡi cày dần được phổ biến. Nhờ đó, một diện tích lớn đất hoang được khai khẩn, sản lượng lương thực cũng tăng lên qua từng năm. Tôn Quyền còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng các công trình thủy lợi. Ông hạ lệnh xây dựng đê Đông Hưng để ngăn ngừa ngập lụt do hồ Sào gây ra, đồng thời cho đào kênh Đông Cừ cùng nhiều tuyến kênh đào khác. Những công trình này không chỉ thúc đẩy sự phát triển của giao thông đường thủy mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

Về thương nghiệp, Tôn Quyền từng tổ chức một bộ phận binh sĩ chuyên tham gia sản xuất thủ công nghiệp và hoạt động thương mại, đồng thời thiết lập các cơ quan quản lý và kinh doanh tương ứng. Chẳng hạn, tại kinh đô Kiến Nghiệp, ông cho thành lập xưởng dệt chính thức của triều đình mang tên “Chức Lạc” để sản xuất các loại lụa dệt cao cấp. Ngoài ra, Kiến Nghiệp còn có hai khu chợ lớn, là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi và buôn bán hàng hóa.

Dưới sự phò tá của các bậc hiền thần, chỉ trong hơn 20 năm, Tôn Quyền đã đưa nước Đông Ngô vào nền nếp, trị quốc có trật tự. Đồng thời, thông qua việc khai phá và phát triển vùng Giang Nam, ông đã biến một vùng đất rộng lớn vốn còn hoang sơ, hẻo lánh thành miền đất trù phú, khiến Giang Nam bước vào thời kỳ phồn vinh chưa từng có. Trong thời kỳ này, ngành đóng tàu, thủ công nghiệp và thương nghiệp của Đông Ngô đều đạt được những bước phát triển vượt bậc.

Theo ghi chép trong “Ngô thời Ngoại quốc truyện” do Khang Thái thời Tam Quốc biên soạn, thuyền đi biển của Đông Ngô có loại lớn nhất căng tới 7 cánh buồm. Loại thuyền đi biển này có thể thuận gió xuất phát từ Gia Na Điều Châu ở Nam Hải, vượt biển đến Đại Tần, tức Đế quốc La Mã cổ đại, chỉ trong vòng một tháng. Ưu điểm của loại thuyền nhiều buồm, nhiều cột buồm này là các cánh buồm được bố trí nghiêng, mỗi cánh đều có thể đón gió riêng, nhờ đó buồm phía sau không che khuất gió của buồm phía trước, giúp con thuyền di chuyển với tốc độ nhanh hơn. Kỹ thuật đóng và vận hành loại thuyền này được xem là thuộc hàng tiên tiến nhất thế giới vào thời bấy giờ.

Với trình độ kỹ thuật tiên tiến như vậy, ngành đóng tàu của Đông Ngô đương nhiên cũng vô cùng phát triển. Tại quận Kiến An (nay là Phúc Châu), Đông Ngô đặt chức Điển thuyền Hiệu úy, phụ trách quản lý việc sử dụng phạm nhân để đóng tàu. Ngoài ra, triều đình còn lập các “thuyền đồn” tại những vùng ven biển như Vĩnh Ninh (nay thuộc thành phố Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang), Hoành Dương (nay là huyện Bình Dương, tỉnh Chiết Giang) và Ôn Ma (nay là huyện Liên Giang, tỉnh Phúc

Kiến) nhằm phát triển ngành đóng tàu. Sử sách ghi lại rằng, khi Đông Ngô bị diệt vong, chỉ riêng số thuyền của triều đình đã lên tới hơn năm nghìn chiếc. Những chiến thuyền do Đông Ngô chế tạo, loại lớn nhất có năm tầng, có thể chở ba nghìn binh sĩ. Những đại hải thuyền mà Tôn Quyền từng sử dụng, như “Phi Vân” và “Cái Hải”, đều hết sức hùng vĩ và tráng lệ. Ngay cả những tàu lớn thông thường hoạt động trên biển cũng dài khoảng 20 trượng, cao hơn mặt nước 2 đến 3 trượng, có sức chở từ 600-700 người.

Mở mang biên giới biển, giao hảo với các nước Nam Dương

Với kỹ thuật đóng tàu và hàng hải tiên tiến, Đông Ngô đương nhiên không bỏ qua việc khám phá vùng biển rộng lớn. Theo sử sách ghi chép, dưới thời Tôn Quyền, Đông Ngô đã nhiều lần tổ chức những chuyến hải hành quy mô lớn để vươn ra đại dương.

● Đồn trú tại Đài Loan

Trong thời cổ đại, Đài Loan từng được gọi là “Di Châu” hoặc “Lưu Cầu”. Theo “Lâm Hải Thủy Thổ Chí” do người Đông Ngô thời Tam Quốc là Thẩm Oánh biên soạn, Di Châu nằm cách quận Lâm Hải (tức khu vực từ huyện Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang ngày nay trở về phía nam) khoảng 2000 dặm về phía đông nam. Căn cứ vào ghi chép này, có thể xác định rằng “Di Châu” chính là Đài Loan ngày nay. Cuốn sách còn mô tả về địa lý, phong thổ của Di Châu rất tương đồng với miền bắc Đài Loan hiện nay. Những phong tục, tập quán của cư dân bản địa được ghi chép trong sách cũng có

nhiều điểm tương đồng với đời sống của đồng bào các dân tộc bản địa vùng núi ở Đài Loan ngày nay. Điều này càng cho thấy Di Châu chính là Đài Loan. Ngoài ra, trong “Nguyên sử – Lưu Cầu truyện” (quyển 210) cũng có ghi rằng: “Lưu Cầu nằm ở phía đông Nam Hải”.

Năm 230, Tôn Quyền dự định phái hai tướng Vệ Ôn và Gia Cát Trục chỉ huy hơn vạn quan binh “vượt biển tìm Di Châu và Đản Châu (Nhật Bản thời cổ)”. Đản Châu nằm giữa biển cả. Tương truyền, khi xưa Tần Thủy Hoàng từng sai phương sĩ Từ Phúc dẫn theo hàng nghìn đồng nam, đồng nữ vượt biển tìm núi thần Bồng Lai và thuốc trường sinh, rồi dừng chân tại hòn đảo này và không quay trở lại. Thời Đông Ngô cũng từng có người đi biển bị gió lớn cuốn trôi đến Đản Châu. Kế hoạch của Tôn Quyền đã vấp phải sự đồng lòng phản đối của các trọng thần Lục Tốn và Toàn Tông. Họ cho rằng: “Đem quân vượt biển vạn dặm để tập kích là việc đầy hiểm nguy, sóng gió trên biển không thể lường trước; binh lính dễ không hợp thủy thổ, tất sẽ phát sinh dịch bệnh. Nay điều động đông đảo quân sĩ vượt qua những vùng đất hoang vu, mong thu được lợi ích nhưng rất có thể lại chịu tổn thất, muốn cầu lợi mà hóa ra chuốc lấy tai hại”. Tuy nhiên, Tôn Quyền không nghe.

Theo “Lâm Hải Thủy Thổ Chí”, sau khi ra khơi, đoàn quân của Vệ Ôn và Gia Cát Trục đã đến Di Châu. Họ trước tiên đi dọc bờ biển đến Phúc Châu và Tuyền Châu, rồi vượt eo biển Đài Loan, đổ bộ vào khu vực Đài Nam và Gia Nghĩa ngày nay. Sau khi đồn trú tại Đài Loan một năm, họ vẫn không tìm thấy Đản Châu. Cuối cùng, do nhiều binh sĩ không thích nghi với khí hậu và thổ nhưỡng, đoàn quân phải quay trở về đại lục. Cùng

trở về theo đoàn còn có vài nghìn cư dân bản địa Đài Loan. Đây được xem là ghi chép sớm nhất trong lịch sử về việc một chính quyền thiết lập sự quản lý và đồn trú quân đội tại Đài Loan. Kể từ đó, Đài Loan và Đại Lục có thêm nhiều hoạt động giao lưu và qua lại với nhau.

● Sách cổ Nhật Bản có ghi chép về “nước Ngô”.

Mặc dù chuyến hải hành của Vệ Ôn và Gia Cát Trực đến Đản Châu không thành công, nhưng thế không có nghĩa là Đông Ngô không có quan hệ giao lưu với Nhật Bản. Từ thời cận đại đến năm 1984, các nhà khảo cổ đã lần lượt khai quật được hơn 370 chiếc gương đồng có nguồn gốc từ đất Ngô tại Nhật Bản. Đây là bằng chứng cho thấy giữa hai nước đã tồn tại hoạt động giao thương. Trong các thư tịch cổ của Nhật Bản như “Nhật Bản Thư Ký” và “Cổ Sự Ký”, các triều đại Đông Tấn và Nam triều về sau thường được gọi chung là “nước Ngô” (吳國), còn người dân của các triều đại này được gọi là “người Ngô” (吳人). Những sản phẩm như lụa dệt, y phục và giường chiếu du nhập từ Nam triều cũng đều được gắn với tên gọi “Ngô” (吳). Điều này cho thấy Đông Ngô đã để lại ảnh hưởng sâu đậm tới Nhật Bản.

● Cao Câu Ly xưng thần, triều cống

Dưới thời Tôn Quyền, hạm đội của Đông Ngô còn từng đi xa tới tận Liêu Đông. Lúc bấy giờ, tuy Liêu Đông thuộc phạm vi thế lực của nước Ngụy, nhưng trên thực tế lại do dòng họ Công Tôn cát cứ, tự xưng hùng một phương. Ngoài ra, khu vực này còn có các quốc gia như Cao Câu Ly tồn tại song song. Ngay từ những năm Kiến An, Tôn Quyền đã từng phái sứ giả vượt biển đến Liêu

Đông để liên minh với Công Tôn Khang. Tuy nhiên, sứ giả bị giết hại, từ đó hai bên kết oán và trở thành thù địch.

Năm 228, Công Tôn Uyên, con trai của Công Tôn Khang, trở thành người thống trị mới của Liêu Đông. Ông ta một mặt tiếp nhận tước phong của nước Ngụy, mặt khác lại chủ động cử sứ giả sang giao hảo với Tôn Quyền. Từ đó, hạm đội của Đông Ngô lại xuất hiện trên tuyến hải trình giữa Liêu Đông và Giang Nam, tiến hành hoạt động trao đổi hàng hóa giữa nhân dân hai vùng. Tào Ngụy tuy biết việc này nhưng không đủ khả năng ngăn chặn, còn các quan lại đồn trú tại địa phương cũng đành bất lực. Tháng 3 năm 232, Tôn Quyền tổ chức một hạm đội quy mô lớn với “hơn một trăm chiến thuyền”, cử tướng Chu Hạ và Hiệu úy Bùi Tiềm làm thống soái, tiến đến Liêu Đông. Tin tức nhanh chóng truyền đến nước Ngụy. Điền Dục, Thái thú quận Nhữ Nam, đã bố trí quân mai phục. Đến tháng 9, khi đoàn thuyền Đông Ngô trên đường trở về, Điền Dục bất ngờ dẫn quân đánh úp. Chu Hạ bị chém chết, toàn bộ binh sĩ đã lên bờ đều bị bắt làm tù binh, còn thuyền bè thì bị đánh chìm hoặc tổn thất rất nhiều. Chỉ có Bùi Tiềm may mắn thoát nạn. Sau sự việc này, Tôn Quyền vô cùng hối hận.

Thế nhưng chỉ một tháng sau, Công Tôn Uyên lại phái sứ giả mang da chồn, ngựa chiến cùng nhiều sản vật quý đến tiến cống. Tôn Quyền vô cùng phấn khởi và bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi Liêu Đông mới. Tháng 3 năm 233, Tôn Quyền cử Thái thường Trương Di và Chấp Kim Ngô Hứa Yển làm sứ giả; đồng thời sai các tướng Hạ Đạt, Ngu Tư, Trung lang tướng Vạn Thái và Hiệu úy Bùi Tiềm chỉ huy một đạo quân hơn một vạn

người hộ tống sứ giả của Công Tôn Uyên trở về Liêu Đông. Đoàn sứ bộ còn mang theo vàng bạc, châu báu và nhiều lễ vật quý giá, cùng đầy đủ Cữu Tích để ban thưởng cho Công Tôn Uyên, đồng thời phong ông làm Yên Vương. Các đại thần như Trương Chiêu cho rằng sự đãi ngộ dành cho Công Tôn Uyên là quá hậu hĩnh, đồng thời lo ngại sẽ xảy ra biến cố ngoài ý muốn. Tuy nhiên, Tôn Quyền vẫn không nghe theo.

Đúng như dự đoán, khi Công Tôn Uyên nhìn thấy Vạn Thái cùng đoàn sứ bộ còn mang theo một lượng lớn tiền bạc và hàng hóa để mua chiến mã, lòng tham nổi lên. Thừa lúc các sứ thần và tướng sĩ Đông Ngô không đề phòng, ông ta bất ngờ ra tay, một lưới bắt hết. Toàn bộ vàng bạc châu báu đều bị Công Tôn Uyên chiếm đoạt. Không những vậy, ông ta còn dâng thủ cấp của Trương Di, Hứa Yển cùng những người khác cho Tào Ngụy để lập công. Khi hay tin, Tôn Quyền vô cùng phẫn nộ, thốt lên: “Trẫm nay đã 60 tuổi, mọi việc khó dễ trên đời đều từng trải qua, vậy mà gần đây lại bị tên tiểu nhân ấy lừa gạt đến tiến thoái lưỡng nan, khiến cơn giận trong lòng dâng lên như núi. Nếu không tự tay lấy đầu tên chuột nhắt ấy ném xuống biển, thì Trẫm còn mặt mũi nào để đối diện với thiên hạ. Dẫu phải lâm vào cảnh khốn cùng, Trẫm cũng quyết không hối hận”. Ngay lập tức, Tôn Quyền định đích thân chỉ huy hạm đội chinh phạt Công Tôn Uyên, nhưng sau nhiều lần được Lục Tốn cùng các đại thần hết sức can gián, ông mới từ bỏ ý định này. Sau đó, Tôn Quyền còn chủ động xin lỗi Trương Chiêu, thừa nhận mình đã không nghe theo lời khuyên trước đó.

Điều bất ngờ là bốn sứ quan đi sứ Liêu Đông gồm Tần Đán, Trương Quần, Đỗ Đức và Hoàng Cương đã may mắn trốn thoát, rồi đến được Cao Câu Ly (nay thuộc miền bắc bán đảo Triều Tiên), yết kiến quốc vương Vị Cung. Họ lập tức truyền đạt rằng Ngô vương đã ban chiếu thư cho quốc vương Cao Câu Ly và chủ bạ của nước này, đồng thời có nhiều phẩm vật ban thưởng, nhưng tất cả đều đã bị Công Tôn Uyên ở Liêu Đông cướp mất. Do Cao Câu Ly và họ Công Tôn ở Liêu Đông vốn là kẻ thù truyền kiếp, nên quốc vương Vị Cung hết sức vui mừng. Ông không chỉ tiếp nhận chiếu thư của Đông Ngô mà còn phái sứ hộ tống bốn người trở về nước, đồng thời dâng biểu xưng thần với Đông Ngô và tiến cống một nghìn tấm da chồn cùng mười bộ da chim hạc kê. Nhờ vậy, Tôn Quyền đã thu được một kết quả tốt đẹp ngoài mong đợi. Một năm sau, Tôn Quyền lại cử sứ thần sang bái kiến Vị Cung. Tuy nhiên, trên đường đi, sứ bộ nghe tin Vị Cung đã nhận được mệnh lệnh của Thử sủ U Châu thuộc nước Ngụy, yêu cầu giết sứ giả Đông Ngô để bảo toàn địa vị của mình. Vì thế, đoàn sứ giả liền nhân cơ hội quay trở về Đông Ngô.

● Giao hảo với các nước Nam Dương

Năm 226, Sĩ Nhiếp, Thái thú Giao Chỉ (nay thuộc Việt Nam), qua đời. Con trai ông ta là Sĩ Huy nổi dậy chống lại Đông Ngô, nhưng bị Lã Đại, Thử sủ Quảng Châu của Đông Ngô, chỉ huy 3.000 quân ngày đêm vượt biển tiến đánh và dẹp yên. Từ đó, Giao Châu hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Đông Ngô. Từ năm 224 đến năm 252, Chu Ứng và Khang Thái theo lệnh của Tôn Quyền xuất sứ đến Phù Nam và các quốc gia vùng

Nam Hải để tiến hành các hoạt động ngoại giao. Đoàn sứ bộ đã đi xa đến Lâm Ấp (nay thuộc khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ Việt Nam) và Phù Nam (nay thuộc Campuchia), đặt chân tới hơn một trăm quốc gia, đồng thời thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trong số đó. Sau khi trở về, Chu Ứng biên soạn “Phù Nam dị vật chí”, còn Khang Thái viết “Ngô thời Ngoại quốc truyện”. Hai tác phẩm này là những tư liệu vô cùng quan trọng để nghiên cứu quan hệ giao lưu giữa Đông Ngô với các quốc gia nước ngoài. Đáng tiếc, cả 2 bộ sách đều đã thất truyền. Ngày nay, chỉ còn lưu lại một số đoạn trích rải rác trong các thư tịch cổ như “Thủy Kinh chú”, “Bắc Đường thư sao”, “Nghệ văn loại tự”, “Sơ học ký”, “Thông điển”, “Thái Bình ngự lãm” và “Văn tuyển chú”.

Chính nhờ chuyến đi sứ thành công của Chu Ứng và Khang Thái, nhiều quốc gia hải ngoại cũng bắt đầu phái sứ giả đến Đông Ngô. Năm 243, Phạm Chiên, quốc vương Phù Nam, cử sứ thần mang theo nhạc công cùng các sản vật địa phương đến triều cống. Ngoài ra, các nước như Lâm Ấp, Thiên Trúc (nay là Ấn Độ) và Ba Tư (nay là Iran) cũng lần lượt phái sứ bộ mang lễ vật đến Đông Ngô. Tôn Quyền tiếp đãi họ theo đúng nghi lễ ngoại giao, đồng thời đáp lễ bằng lụa là và nhiều sản phẩm tinh xảo của Trung Hoa. Kể từ thời Tôn Quyền, quan hệ giao lưu giữa Trung Quốc và các quốc gia vùng Nam Hải ngày càng trở nên nhộn nhịp. Thuyền buôn của các nước thường xuyên qua lại giữa hai bên, và thương mại hàng hải có thể nói là lĩnh vực mang lại lợi ích lớn nhất cho Đông Ngô.

Trong tác phẩm “Ngô Cổ Xúy Khúc – Chương Hồng Đức” của Vi Chiêu nước Ngô, sự giao lưu giữa Đông Ngô với các quốc gia vùng Nam Hải được miêu tả như sau: “Chương hồng đức, mại uy thần. Cảm thù phong, hoài viễn lân. Bình nam duệ, tề hải tân. Việt thường cố, phù nam thần. Trân hóa sung đình, sở kiến nhật tân”. Tạm dịch: Đức lớn rạng ngời, uy danh vang dội. Cảm hóa phong tục các phương xa, kết giao với láng giềng viễn quốc. Bình định phương Nam, uy đức lan khắp bờ biển. Việt thường dâng cống, Phù Nam xưng thần. Trân bảo chất đầy sân triều, vật quý lạ mỗi ngày một thêm phong phú.

Ngoài ra, vào năm 242, Tôn Quyền còn phái tướng Nhiếp Hữ và Hiệu úy Lục Khải dẫn đoàn thuyền đến Châu Nhai (nay thuộc bán đảo Lôi Châu) và Đam Nhĩ (nay là đảo Hải Nam), khôi phục chế độ quận, huyện do nhà Hán thiết lập trước đây tại những vùng này.

● Hướng đến Đại Tần

Theo ghi chép trong “Nam Châu dị vật chí” của Vạn Chấn, vào khoảng từ năm 234 đến năm 237, có một thương nhân đến từ Đại Tần (tức Đế quốc La Mã cổ đại) tên là Tần Luận đến Giao Chỉ. Thái thú Giao Chỉ là Ngô Mạo đã cử người đưa ông đến yết kiến Tôn Quyền. Tôn Quyền hỏi Tần Luận về phong tục, tập quán, địa lý và tình hình đất nước của Đại Tần, Tần Luận đã lần lượt giải đáp từng câu hỏi. Tôn Quyền cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi để Tần Luận tiến hành hoạt động thương mại tại Trung Quốc. Sau 7-8 năm, khi Tần Luận chuẩn bị trở về nước, Tôn Quyền cử người hộ tống ông trên đường về, đồng thời tặng cho ông 10 nam nô và 10

nữ tỳ. Ngoài ra, “Ngô thời Ngoại quốc truyện” cũng ghi rằng: “Từ Gia Na Điều Châu, đi thuyền lớn vượt biển, giương 7 cánh buồm, gặp gió thuận thì chỉ hơn một tháng là đến nước Tần, tức Đại Tần”.

Việc Tôn Quyền có thể cử người hộ tống Tần Luận trở về quê hương càng cho thấy kỹ thuật hàng hải tiên tiến cùng sức mạnh hải quân vượt trội của Đông Ngô. Đáng tiếc, do tư liệu lịch sử còn quá hạn chế, nên đến nay chúng ta vẫn chưa thể biết đầy đủ về những hoạt động giao lưu giữa Tôn Quyền với các quốc gia hải ngoại, cũng như thực lực hàng hải hùng mạnh của Đông Ngô thời bấy giờ.

Anh hùng thời đại

Mùa đông, tháng 11 năm 251, sau khi đến Nam Giao cử hành lễ tế trời đất, Tôn Quyền bị trúng phong. Đến tháng 12 cùng năm, ông khẩn cấp triệu Đại tướng quân Gia Cát Khác vào triều để phó thác việc hậu sự. Đến tháng 4 mùa hạ năm 252, Tôn Quyền qua đời vì bệnh, hưởng thọ 71 tuổi, sau 24 năm ở ngôi hoàng đế. Sau khi mất, ông được truy tôn thụy hiệu “Đại Hoàng đế”, miếu hiệu là Thái Tổ.

Nhìn lại cả cuộc đời của Tôn Quyền, có thể thấy ông xứng đáng là một bậc minh chủ hùng tài đại lược. Ông khoan dung với người hiền, biết quy tụ nhân tâm, vì thế uy danh vang xa, thiên hạ đều kính phục. Vào thời kỳ cực thịnh, lãnh thổ Đông Ngô rộng lớn, có thể sánh ngang với Tào Ngụy; quân đội tinh nhuệ, binh lực dồi dào, anh hùng hào kiệt đều hết lòng phò tá. Tôn Quyền quả thực chính là bậc đại anh hùng kiệt xuất của thời đại!

(Hết)

Tác giả: Lưu Hữu

Nguồn: ChanhKien.org / Dịch từ: epochtimes.com

2026

